

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 360 – Chúa nhật 25.08.2019

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

ĐỀ TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN LIÊN ĐỚI TOÀN THỂ NHÂN LOẠI - THÔNG ĐIỆP POPULORUM PROGRESSIO (PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC).....	ĐGH PHAOLÔ VI
NƯỚC TRỜI: NHÀ RỘNG - CỬA HẸP.....	Lm GB. BÙI NGỌC ĐIỆP-TSVN
THU MÌNH ĐỂ QUA CỬA HẸP GIÊSU	Lm. Antôn Nguyễn Văn Độ
HAI CÁCH HIỂU CÂU KHÓ HIỂU	Lm. Anphong Nguyễn Công Minh, ofm
THÁNH MONICA - NGƯỜI VỢ, NGƯỜI MẸ CAN ĐẢM VÀ ĐẠO HẠNH	Tiến Sĩ Trần Mỹ Duyệt
TÔI ĐI CẢM PHÒNG	Elisabeth Nguyễn (theo lời kể một TDV)
XIN VÂNG - THEO MẸ VỀ TRỜI	Jos. Hoàng Mạnh Hùng
XIN NÓI LẠI NHỮNG KHÁC BIỆT CĂN BẢN GIỮA CÔNG GIÁO, CHÍNH THỐNG GIÁO, ANH GIÁO VÀ TIN LÀNH	Lm. PX. Ngô Tôn Huân, Doctor of Ministry
SỐNG CHÂN THẬT VÀ ĐỪNG LÀM GƯƠNG XẤU SỐNG HAI MẶT.....	
.....	Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy, PSS.
CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN DIỆU VỢ CỦA ƠN GỌI... ..	Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp
NHỮNG GIỌT MỒ HÔI	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD
NGƯỜI MẸ	Chuyện phiếm của Gã Siêu

ĐỀ TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN LIÊN ĐỚI TOÀN THỂ NHÂN LOẠI

LTS. Đặc San GSVN đã phổ biến rộng rãi bản dịch DoCat của UBCL&HB, HĐGMVN. Nay chúng con xin lần lượt phổ biến tất cả các thông điệp của các Đức Thánh Cha, từ thời Đức Lêô XIII (1891), với thông điệp Tân Sự (Rerum Novarum) cho tới Đức Thánh Cha Phanxicô (2015), với thông điệp Chúc tụng Chúa (Laudato Si). Tất cả các văn kiện này chính là "nền" cho Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội. Xin chân thành cảm ơn các trang mạng đã cung cấp cho Dân Chúa và Dân Chúng Việt Nam những tư liệu rất quý báu này, đặc biệt xin chân thành cảm ơn các dịch giả đã thực hiện các bản dịch Việt Ngữ.

**THÔNG ĐIẾP POPULORUM PROGRESSIO
(PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC)**

**CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG PHAOLÔ VI
VỀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC
NGÀY 26 THÁNG 03 NĂM 1967**

Bản dịch của Đại Chủng Viện Thánh Giuse Sài Gòn

Nguồn: <http://catechesis.net/thong-diep-populorum-progressio-phat-trien-cac-dan-toc-cua-dgh-phaolo-vi-ngay-26-03-1967/>

PHẦN II

ĐỂ TIẾN TỚI SỰ PHÁT TRIỂN LIÊN ĐỐI TOÀN THỂ NHÂN LOẠI

Nhập đề

43. Sự phát triển toàn diện của con người phải đi liền với sự phát triển của nhân loại. Chúng tôi đã nói điều đó ở Bombay: *“Con người phải gặp con người, các quốc gia phải gặp nhau như anh em, chị em, như con cái của Thiên Chúa. Nhờ hiểu biết nhau, thân thiện nhau, và cảm thông với nhau một cách linh thiêng, chúng ta cũng phải bắt đầu hoạt động chung với nhau để xây dựng tương lai chung của nhân loại”*. [47]

Chúng tôi cũng đã đề nghị nên tìm những phương thức tổ chức và hợp tác hữu hiệu, để chung góp những tài nguyên sẵn có, và để thiết lập những liên hệ thực giữa các dân tộc.

Tình huynh đệ giữa các dân tộc

44. Đó trước tiên là bổn phận của các nước giàu có. Bổn phận này bắt nguồn từ tình huynh đệ tự nhiên và siêu nhiên gồm ba khía cạnh: Trước tiên, bổn phận liên đới, là các nước giàu phải giúp đỡ các nước kém mở mang, thứ đến, bổn phận công bằng xã hội, là phải cải thiện mối quan hệ thương mại giữa các nước mạnh và các nước yếu. Sau hết bổn phận bác ái đại đồng là phải cố gắng xây dựng một thế giới nhân đạo hơn cho mọi người, trong đó ai cũng phải cho, ai cũng được nhận, mà sự phát triển của nước này không cản trở sự phát triển của nước kia. Vấn đề này thật quan trọng bởi vì liên hệ tới tương lai văn minh nhân loại.

Chống nạn đói

45.Thánh Giacôbê nói, *“Nếu có người anh em hay chị em không có áo mặc, không có cơm ăn, mà một người trong anh em chỉ nói với họ rằng: chúc anh em về bình an, hay cố mặc cho ấm, cố ăn cho no, rồi không cho họ gì cần cho thân xác họ, thì lời nói đó nào có ích gì?”*[48]. Ngày nay không ai mà không biết rằng: trên nhiều lục địa, biết bao người đang bị nạn đói hành hạ; biết bao trẻ em thiếu ăn, đến nỗi một phần lớn phải chết lúc còn nhỏ tuổi; bao nhiêu người khác không phát triển được về vật chất lẫn tinh thần cũng vì đói. Cũng vì vậy mà dân chúng trong bao nhiêu miền rộng lớn đang lâm vào cảnh tuyệt vọng thê thảm.

1. Giúp đỡ các nước nghèo

Hôm nay

46.Nhiều lời kêu gọi cứu trợ đã vang lên thống thiết. Lời kêu gọi của Đức Gioan XXIII đã được nhiệt liệt đón tiếp[49]. Chúng tôi cũng đã lặp lại lời kêu gọi đó trong Thông điệp Giáng Sinh 1963[50], và vừa rồi đây năm 1966 để cứu trợ Ấn Độ[51]. Chiến dịch chống nạn đói do *“Tổ Chức Lương Nông Quốc Tế”* khởi xướng và Tòa Thánh khuyến khích đã được hưởng ứng một cách rộng rãi. Tổ chức Caritas quốc tế của Chúng tôi cũng đang hoạt động khắp nơi. Và nhiều Tín hữu Công giáo, do sự thôi thúc của các Giám Mục, anh em chúng tôi, hy sinh không tiếc gì cả, để giúp đỡ những ai đang quẫn bách, tăng thêm số người anh em thân cận.

Ngày mai

47. Nhưng những công cuộc cứu trợ đó, cũng như những việc bỏ vốn tư và công, viện trợ và cho vay, đều không đủ. Bởi vì không phải chỉ có chuyện thắng nạn đói và giảm bớt nạn khổ: chống bần cùng, tuy cấp bách và cần thiết, nhưng không đủ. Vấn đề chính là thiết lập một xã hội trong đó, mỗi người, không phân biệt nòi giống, tôn giáo, quốc tịch, có thể sống một cuộc sống đầy đủ là con người – Con người không còn bị con người áp bức, không còn bị thiên nhiên chưa được chế ngự hành hạ. Chúng tôi muốn nói tới một xã hội, trong đó tự do không còn là một danh từ trống rỗng và người nghèo như Ladarô cũng được ngồi vào một bàn ăn với người giàu[52]. Điều này đòi hỏi ở người giàu nhiều đại độ, nhiều hy sinh và một cố gắng không ngừng. Mỗi người phải tự xét lương tâm. Lương tâm như đang nói với thời đại chúng ta bằng một âm thanh mới. Mỗi người có sẵn sàng bỏ tiền của để nâng đỡ các cơ cấu và tổ chức nhằm giúp đỡ người nghèo không? Mỗi người có sẵn sàng đóng thêm thuế để chính phủ có thể gia tăng nỗ lực phát triển không? Mỗi người có sẵn sàng mua đất thêm những hàng hóa nhập cảng để người làm ra hàng hóa ấy được hưởng lương tương xứng không? Mỗi người có sẵn sàng rời bỏ quê hương, khi cần và khi tuổi còn cường tráng, để giúp phát triển ở các nước kém mở mang không?

Bổn phận liên đới

48. Bởi vì bổn phận liên đới giữa người với người cũng là bổn phận liên đới giữa các dân tộc với các dân tộc, *“nên các dân tộc... đã mở mang có bổn phận rất khẩn cấp là phải giúp các dân tộc đang mở mang”*[53]. Tài liệu Công đồng đó cần phải được đem áp dụng. Bất cứ dân tộc nào quả cũng có quyền hưởng dụng ưu tiên tài nguyên thiên nhiên cũng như của cải do chính mình làm ra. Nhưng không một dân tộc nào được phép giữ lấy tài sản cho một mình mình hưởng dụng. Mỗi dân tộc đều phải sản xuất nhiều hơn và tốt hơn để cho mọi người dân trong nước có được một mức sống xứng với phẩm giá con người và đồng thời để giúp nhân loại cùng phát triển. Khi còn có nhiều nước kém mở mang mỗi ngày một đói khổ, thì phải coi là chuyện thường, nếu một nước giàu đem nhường một phần tài sản của mình để giúp các nước đó. Cũng là chuyện thường khi một nước tiên tiến đào tạo giáo sư, kỹ sư, chuyên viên, bác học để cho họ đem hiểu biết và kinh nghiệm phụng sự các nước đó.

Phần dư thừa

49. Cũng cần nhắc lại rằng: phần dư thừa của các nước giàu phải đem giúp các nước nghèo. Giới luật, ngày xưa bắt phải giúp đỡ người thân cận, ngày nay bắt phải giúp đỡ tất cả mọi người nghèo trên thế giới. Làm như thế, kẻ giàu là người trước tiên được lợi. Trái lại nếu cứ keo kiệt mãi thì sẽ bị Thiên Chúa nguyên rủa và người nghèo phẫn nộ: hậu quả sẽ khôn lường. Các nước hiện nay giàu có phủ phê mà chỉ lo cho quyền lợi của mình, sẽ làm tổn thương đến những giá trị cao quý nhất của mình, nếu muốn thâm hoạc thêm nhiều của cải là đóng một vai trò trọng đại và chính đáng hơn (trong cộng đồng các dân tộc).

Có thể đem áp dụng cho các nước đó dụ ngôn về người phú hộ gạt hái về không biết để đâu: *“Chúa bảo người đó: đồ dại dột, ngay đêm nay, người ta sẽ lấy mạng sống của người”*[54].

Chương trình

50. Những cố gắng đó muốn thực hiện hữu hiệu, không thể để trong một tình trạng phân tán và rời rạc, càng không thể để đối chọi nhau vì uy thế hay quyền lợi của một số người: hoàn cảnh hiện tại đòi hỏi những chương trình có phối hợp, bởi vì một sự giúp đỡ có kế hoạch bao giờ cũng hữu hiệu hơn một sự giúp đỡ, tùy cơ hội, do thiện chí của từng người. Như chúng tôi đã nói ở trên, cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng, nêu rõ mục tiêu, chỉ định phương tiện, tập trung các nỗ lực, để đáp ứng các nhu cầu hiện tại và những đòi hỏi của tương lai. Hơn nữa những chương trình như thế còn vượt quá những mục tiêu của việc phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội: nghĩa là làm cho công cuộc sẽ thực hiện có ý nghĩa, có giá trị, và làm cho con người có thêm phẩm giá trong lúc chinh trang thế giới.

Ngân quỹ quốc tế

51. Còn phải đi xa hơn nữa. Tại Bombay, chúng tôi đã kêu gọi thiết lập một ngân quỹ quốc tế đóng góp bởi một phần kinh phí, để đem giúp đỡ những nước đói kém nhất[55]. Chống nghèo đói cần thiết như thế nào thì phát triển các dân tộc cũng cần thiết như vậy. Ngân quỹ quốc tế này vừa là hình ảnh, vừa là khí cụ của sự hợp tác giữa các dân tộc. Chỉ có sự hợp tác như thế, mới có thể giúp vượt qua được những tranh chấp vô ích và khơi nguồn cho một cuộc đối thoại phong phú và thanh bình giữa các dân tộc.

Ích lợi của ngân quỹ quốc tế

52. Lẽ dĩ nhiên hiệp ước ký kết giữa hai nước hoặc nhiều nước vẫn còn nên giữ lại vì những hiệp ước ấy thiết lập những mối giao hảo thân thiện và bình đẳng về pháp lý cũng như chính trị để thay thế cho những mối tương quan bất bình đẳng và hằn học dưới thời thực dân. Những hiệp ước đó, nếu được đặt trong một chương trình hợp tác quốc tế, sẽ tránh được mọi nghi ngờ. Thực vậy các nước được hưởng viện trợ sẽ bớt lo ngại rằng: một thứ thực dân mới có thể núp dưới hình thức viện trợ tài chánh và kỹ thuật, để gây áp lực chính trị và đô hộ kinh tế, đồng thời để củng cố hoặc để thiết lập sự thống trị của một thiểu số.

Cần cấp thời

53. Vả lại ai mà không thấy rằng, Ngân quỹ quốc tế như chúng tôi đã đề cập tới, sẽ cho phép trích bớt đi một số chi phí mà người ta phải hao tốn vì sợ hãi hay kiêu căng ! Một khi bao dân tộc còn đói khát, bao gia đình còn đau khổ vì túng quẫn, bao người còn chìm đắm trong dốt nát, bao trường học, bệnh xá, nhà ở hăn hoi còn chưa xây cất, thì tất cả những phí phạm công hay tư, tất cả những chi tiêu huênh hoang của nhà nước hay cá nhân, tất cả cuộc chạy đua võ trang đến kiệt quệ, tất cả điều đó trở thành một điều ô nhục không tha thứ được, chúng tôi có nhiệm vụ nặng nề phải tố cáo điều đó, xin các vị hữu trách hãy nghe chúng tôi, trước khi quá trễ.

Đối thoại

54. Vì thế các dân tộc cần phải đối thoại với nhau, đối thoại như chúng tôi đã tha thiết mời gọi trong Thông điệp đầu tiên, ECCLESIAM SUAM[56]. Nếu có được đối thoại như thế giữa những nước giúp phương tiện và những nước lãnh nhận thì dễ dàng tính toán đúng những sự giúp đỡ cần thiết không những tùy theo lòng quảng đại và khả năng của bên cung cấp, nhưng còn tùy theo những nhu cầu thực sự và những khả năng hưởng dụng của bên lãnh nhận. Như vậy, các nước kém mở mang khỏi bị đeo nợ nặng nề, và chỉ lo trả lãi là hết lợi tức rồi. Vậy phải quy định

số phân lãi và thời hạn trả nợ, sao cho cả đôi bên có thể chịu đựng được, nghĩa là quân bình những món biếu không, những khoản vay khỏi mất lãi hay lãi rất nhẹ, và thời hạn các khoản phải trả dần. Cũng phải bảo đảm cho những kẻ trả vốn, đảm bảo về việc sử dụng ngân khoản theo một kế hoạch đã đồng ý và với một hiệu năng hợp lý, bởi vì không nên khuyến khích những kẻ lười biếng và ăn bám. Về phía người hưởng dụng sẽ có thể đòi hỏi người ta không được can thiệp vào nội bộ chính trị, cũng không được làm xáo trộn cơ cấu xã hội của mình. Là những quốc gia có chủ quyền, chỉ có họ mới có quyền điều khiển công việc, hoạch định chính sách và tự do lựa chọn chính thể của mình. Vậy phải đi đến một sự cộng tác tự nguyện, một sự tham dự hữu hiệu của cả đôi bên, trong tinh thần tôn trọng lẫn nhau, để xây dựng một thế giới nhân đạo hơn?

Sự cần thiết

55. Đề nghị trên đây hầu như không thể thực hiện được trong những vùng mà việc lo ăn hàng ngày đã chiếm hết cuộc sống gia đình đến nỗi không còn lòng trí nào để nghĩ tới một chương trình khả dĩ sửa soạn cho một tương lai bớt cùng cực. Nhưng chính những người đó là những người cần được giúp đỡ, cần được khuyến khích để họ vừa tự nguyện bước vào con đường tiến bộ của họ, vừa tự mình tìm lấy những phương tiện cần thiết để tiến bộ. Chắc chắn công cuộc này đòi hỏi góp sức kiên trì và can đảm. Nhưng mỗi người phải thâm tín rằng đây là một vấn đề sống còn của các dân tộc nghèo, của sự hòa hợp dân tộc trong các nước kém mở mang, và của hòa bình thế giới.

2. Công bằng trong giao dịch thương mại

56. Tất cả cố gắng để giúp đỡ các nước kém mở mang về phương diện tài chánh và kỹ thuật, dầu lớn lao đến đâu, quan hệ thương mại giữa nước giàu và nước nghèo làm cho những sự giúp đỡ kia một phần nào bớt hiệu lực. Các nước nghèo sẽ hết tín nhiệm ở nước giàu khi họ có cảm tưởng là tay này cho vay tay kia lấy lại.

Tình trạng chênh lệch

57. Các nước đã có kỹ nghệ cao, thì xuất cảng nhiều nhất là các hàng hóa chế tạo, còn các nước kém mở mang thì chỉ có thể bán ra các nông phẩm và nguyên liệu. Nhờ có tiến bộ kỹ thuật và hàng hóa các nước kỹ nghệ tăng giá trị nhanh chóng và bán được dễ dàng. Trái lại, những nguyên liệu của các nước kém mở mang bán ra lại thường bị nạn giá cả lên xuống bất ngờ và quá đáng: nếu giá trị hàng hóa còn lâu mới tăng được đều đặn. Các nước kém kỹ nghệ gặp khó khăn trầm trọng, khi phải đặt một phần lớn hy vọng vào việc xuất cảng để quân bình

nền kinh tế và thực hiện kế hoạch phát triển. Vì thế, các dân tộc đã nghèo lại càng nghèo thêm, các dân tộc đã giàu thì càng giàu hơn nữa.

Tự do trao đổi

58. Như thế có nghĩa là luật “*tự do trao đổi*” một mình nó mà thôi, không còn đủ để chi phối mối quan hệ giữa các dân tộc. Khi các nước hiệp thương với nhau mà tình trạng kinh tế không quá chênh lệch, thì tự do trao đổi quả là có lợi, bởi vì nó kích thích phát triển và tương lệ nỗ lực. Vì thế mà các nước có kỹ nghệ phát triển cho rằng nguyên tắc tự do trao đổi là một luật công bằng. Nhưng giữa các nước có tình trạng kinh tế quá chênh lệch, thì không còn nói như thế được nữa: vì giá cả “*tự do thỏa thuận*” trên thị trường có thể đưa tới những hậu quả bất công. Phải nhìn nhận rằng: cần xét lại chính cái nguyên tắc căn bản của thuyết “*tự do*” dùng làm quy luật cho các cuộc giao thương.

Công bằng trong các thỏa ước quốc tế

59. Học thuyết của Đức Lêô XIII trong thông điệp *Rerum Novarum* vẫn còn giá trị. Theo đó thì trong những điều kiện cũng sẽ trở thành hoàn toàn ảo tưởng và vô ích, nếu những quá xa nhau, sự đồng ý của hai bên ký kết không đủ để đảm bảo cho tờ hợp đồng được công bằng, và luật tự do ưng thuận còn phải lệ thuộc vào những đòi buộc của luật tự nhiên[57]. Điều gì phải giữ để cho đồng lương của mỗi một người thợ được công bằng, thì cũng phải đem áp dụng cho các thỏa ước quốc tế. Bởi vì hệ thống thương mại không còn thể chỉ dựa trên nguyên luật tự do cạnh tranh. Tuy nói tự do, nhưng thường khi nó lại phát sinh một nền kinh tế độc tài. Tự do giao thương chỉ công bằng khi nào tuân theo những đòi hỏi của công bằng xã hội.

Những biện pháp phải theo

60. Tuy nhiên chính những nước đã mở mang cũng đã hiểu điều đó – họ cố gắng bằng những biện pháp thích ứng, đem lại sự quân bình trong nền kinh tế gia, mà nếu để mặc cho tự do cạnh tranh, thì sẽ xáo trộn nặng nề. Vì thế họ thường nâng đỡ nông nghiệp bằng cách buộc các ngành kinh tế thịnh vượng hơn phải hy sinh đóng góp. Cũng vì thế, để nâng đỡ những giao dịch thương mại giữa các nước, nhất là trong một thị trường chung, chính sách tài chánh, thuế khóa và xã hội của họ phải cố giúp cho các ngành kỹ nghệ kém thịnh đạt cũng có thể phát triển được như những ngành khác.

Những hiệp ước quốc tế

61. Cần phải dùng một đầu thực đồng đều để đo lường đối với nền kinh tế của nước mình thế nào, đối với mối quan hệ thương mại giữa các nước tiến bộ với nhau thế nào, thì đối với cuộc quan hệ thương mại giữa những nước giàu với những nước nghèo cũng vậy. Tuy không loại bỏ cạnh tranh trên thị trường, nhưng phải giữ cho cạnh tranh đó ở trong giới hạn công bằng, hợp đạo và xứng với con người hơn. Trong việc thương mại giữa những nền kinh tế phồn thịnh với những nền kinh tế kém mở mang, hoàn cảnh quá khác nhau và khả năng cũng không đồng đều. Sự giao dịch thương mại giữa các nước, muốn cho ngay thẳng và nhân đạo, theo luật công bằng, phải cho hai bên, ít nhất, những sự may mắn mua bán đồng đều. Đó là mục đích về lâu dài. Nhưng muốn đạt tới đó, phải tạo lập ngay từ bây giờ sự công bằng thực sự trong các cuộc thảo luận và thương thuyết. Trong các vấn đề này, nếu có được những thỏa hiệp ký kết giữa một số đông quốc gia, thì rất lợi: vì những thỏa hiệp đó sẽ đặt những nguyên tắc tổng quát để điều hòa một số giá cả, để bảo đảm cho một số sản phẩm để nâng đỡ một số kỹ nghệ mới phát sinh. Ai mà lại không thấy rằng: một cố gắng chung để tiến tới công bằng hơn giao dịch buôn bán giữa các nước, sẽ đem lại cho các quốc gia kém mở mang một sự giúp đỡ hữu hiệu: kết quả tuy chưa thấy ngay, nhưng sẽ còn mãi.

Chủ nghĩa suy tôn quốc gia quá độ.

62. Còn có những chướng ngại vật khác đang cản trở việc xây dựng một thế giới công bằng hơn và có cơ cấu vững chắc hơn trong tình liên đới nhân loại. Đó là: Chủ nghĩa suy tôn quốc gia và chủng tộc quá độ.

Người ta nhận thấy rằng có những dân tộc mới thâu hồi được độc lập, hết sức lo lắng bảo vệ một sự thống nhất chưa có gì vững mạnh; cũng có những dân tộc có nền văn minh cổ kính, hãnh diện về di sản của cha ông để lại. Những tâm tình đó chính đáng, nhưng phải được nâng cao lên tới một mức độ toàn thiện, nhờ một tình yêu đại đồng bao trùm lấy tất cả nhân loại. Chủ nghĩa suy tôn quốc gia làm cho các dân tộc chia rẽ nhau, và có hại cho lợi ích chính của họ. Tai hại nhất là những miền mà kinh tế nghèo nàn đòi buộc phải góp chung với nhau nỗ lực, hiểu biết và phương tiện tài chánh để thể hiện những chương trình phát triển kinh tế và gia tăng trao đổi thương mại và văn hóa.

Chủ nghĩa suy tôn chủng tộc quá độ

63. Đề cao chủng tộc quá độ không phải chỉ là chuyện riêng của các quốc gia mới độc lập. Ở các xứ này, nó thường là nguyên nhân của những vụ tranh chấp giữa các bộ lạc hay đảng phái chính trị, chẳng những vi phạm nặng nề đến đạo công bằng, mà còn đe dọa đời sống yên hàn và sinh mạng của dân chúng.

Dưới thời thực dân, nó thường xảy ra giữa kiều dân và người bản xứ, cản trở cả đôi bên hiểu biết nhau một cách hữu ích và gây nên nhiều hận thù vì những tội nhục phải gánh chịu. Nó cũng cản trở không cho các nước nghèo cộng tác với nhau. Nó còn là một mầm chia rẽ và hận thù ngay giữa lòng các dân tộc, khi người ta không kể gì những quyền bất khả di nhượng của con người mà loại ra một bất công hoặc cá nhân hoặc gia đình, không cho hưởng những quyền căn bản như các công dân khác, chỉ vì màu da hay chủng tộc.

Một thế giới liên đới hơn

64. Một tình trạng như thế đang đe dọa trầm trọng ngày mai, làm cho chúng tôi đầy tràn lo âu và đau khổ. Nhưng chúng tôi cũng hy vọng rằng nhờ có một ý chí cộng tác mỗi ngày một mạnh mẽ và một ý thức liên đới mỗi ngày một sâu xa, Những nghi kỵ và ích kỷ cuối cùng cũng sẽ bị đánh bại. Chúng tôi hy vọng rằng các quốc gia kém mở mang biết lợi dụng sự lân cận để cùng nhau tổ chức trên những phần đất rộng lớn, làm những vùng phát triển có phối hiệp: như thiết lập những chương trình chung, điều hợp với đầu tư, phân phối khả năng sản xuất, và tổ chức trao đổi hàng hóa. Chúng tôi hy vọng rằng các tổ chức đa phương hoặc quốc tế, rồi đây nhờ cải tổ lại tùy nhu cầu, sẽ tìm thấy phương thức giúp đỡ các nước kém mở mang thoát khỏi ngõ bí hiện tại của họ và để chính họ khám phá ra con đường tiến bộ về xã hội cũng như văn hóa, mà vẫn giữ được quốc tính của mình.

Ước nguyện của các dân tộc

65. Đàng nào cũng phải tiến tới đó. Tình liên đới giữa các dân tộc, mỗi ngày một hoạt động ráo riết, làm cho các dân tộc có thể tự mình nắm lấy vận mệnh của mình. Trong quá khứ, mối tương quan giữa các dân tộc thường chỉ là mạnh được yếu thua. Ước gì tới ngày thanh bình, mối tương quan giữa các dân tộc sẽ mang dấu: Tôn trọng lẫn nhau, thân thiện với nhau, tùy thuộc vào nhau để cùng cộng tác, cùng thăng tiến với nhau, nhưng mỗi người một trách nhiệm. Các nước đang vươn lên còn thiếu thốn, cũng đòi được tham gia tích cực vào việc xây dựng một thế giới đẹp hơn, kính trọng quyền lợi và sự mạng của mỗi người hơn. Đó là một ước nguyện chính đáng, mỗi người phải lắng nghe và đáp ứng.

3. Tình thương yêu đại đồng

Một xã hội thiếu tình huynh đệ

66. Xã hội loài người đang đau ốm trầm trọng. Nguyên nhân của bệnh tình này không phải là tài nguyên của thiên nhiên kiệt quệ hay lòng tham của một số người vơ vét, mà chính là thiếu tình thương huynh đệ giữa người với người cũng như giữa dân tộc với dân tộc.

Bổn phận đón tiếp

67. Vì thế Chúng tôi nghĩ rằng không bao giờ nói cho đủ về bổn phận đón tiếp, bổn phận đón tiếp vì liên đới con người cũng như vì tình thương của Chúa Kitô, bổn phận đón tiếp trong các gia đình cũng như đón tiếp trong các tổ chức văn hóa của các quốc gia có người tị nạn. Nhất là đối với lớp trẻ, cần phải có nhiều gia đình và cư xá hiếu khách. Trước tiên là để cho họ khỏi cô đơn, tuyệt vọng làm suy giảm nghị lực của họ; thứ đến là giúp họ khỏi rơi vào cảnh sa đọa của nơi họ tới ở, khi bắt buộc phải so sánh cảnh cơ cực tuyệt độ của quê hương họ với nếp sống sa hoa xài phí phũ phề đang bao vây họ. Cũng để giúp họ khỏi bị lôi cuốn theo những học thuyết khuấy rối và những cám dỗ bạo động luôn luôn ám ảnh tâm tư họ, mỗi khi họ nhớ tới số phận bản cùng không đáng phải chịu của dân tộc họ[58]. Sau hết để họ có được một bầu không khí huynh đệ, được thấy mẫu gương của một đời sống lành mạnh và nhờ đó mà thấy được tình thương đích thực của người giáo hữu Kitô, một tình thương hữu hiệu và yêu mến những giá trị thiêng liêng cao cả.

Thảm trạng của các sinh viên du học

68. Thực là đau đớn cho chúng tôi khi nghĩ rằng có nhiều thanh niên tới các nước giàu có để học về khoa học, kỹ thuật và văn chương, mong có khả năng để phục vụ quê hương quả họ đã được đào tạo hết sức đầy đủ, nhưng lắm lúc họ cũng hết yêu chuộng những giá trị tinh thần, mà nền văn minh của quê hương họ vẫn có như một gia tài quý báu.

Hoàn cảnh của các người di dân

69. Cũng phải dành một sự đón tiếp tương tự cho các công nhân xa quê hương. lắm lúc họ sống trong những điều kiện không xứng với con người, cố dành dụm một phần đồng lương gửi về giúp đỡ gia đình đang sống cực khổ trên quê hương.

Bổn phận xã hội của các nhà kinh doanh

70. Bằng lời khuyến dụ này chúng tôi lại muốn kêu gọi những kẻ đến kinh doanh trong những nước mới kỹ nghệ hóa: các kỹ nghệ gia, thương gia, chủ nhân hoặc đại diện các xí nghiệp lớn. Ở trong nước họ, họ thường vẫn không thiếu tinh thần xã hội. Nhưng tại sao, khi đến kinh doanh trong các nước kém mở mang, họ lại trở về với nguyên tắc vô nhân đạo là chỉ phục vụ lợi ích của mình? Hoàn cảnh ưu đãi của họ đáng lẽ thôi thúc họ dẫn đầu trong công cuộc phát triển xã hội và tiến bộ con người, nơi họ đến kinh doanh – óc tổ chức của họ đáng lẽ giúp họ tìm ra phương thức cải tiến việc làm của người bản xứ, đào tạo thợ chuyên môn, sửa soạn cho có kỹ sư và cấp lãnh đạo, cho họ có sáng kiến đem họ vào dần trong những nhiệm sở cao cấp,

giúp họ chia sẻ với mình, trong một tương lai gần, trách nhiệm lãnh đạo. Ít nữa, ước gì luôn luôn có sự công bằng làm mẫu mực trong mối liên lạc giữa cấp trên và cấp dưới. Ước gì có những khế ước hợp pháp, nêu rõ nghĩa vụ đôi bên, làm căn bản cho mọi liên lạc. Nhất là, ước gì đừng có ai ở bất cứ cương vị nào, bị bắt công vì chuyên chế.

Sứ mạng của các chuyên viên.

71. Chúng tôi rất hoan hỷ nhận thấy rằng: số chuyên viên được các tổ chức quốc tế, tổ chức song phương hoặc cơ quan tư nhân gọi đi giúp phát triển mỗi ngày một đông. Họ đừng *“xử sự như chủ mà chỉ nên xử sự như phụ tá và cộng tác viên”*[59]. Dân chúng thấy rất nhanh; ai đến giúp đỡ họ với yêu thương, ai không; ai đến chỉ để áp dụng kỹ thuật, ai đến để nâng cao phẩm giá con người. Tín thư của họ có thể không được chấp nhận, nếu nó không được gói ghém trong một tình yêu thương huynh đệ.

Đức tính của các chuyên viên

72. Nếu những khả năng chuyên môn là cần, thì càng cần hơn nữa, kèm theo, những dấu hiệu đích thực biểu lộ một tình thương vô vị lợi. Các chuyên viên phải không còn có tinh thần suy tôn quốc gia mình quá độ và tránh mọi hình thức kỳ thị chủng tộc; họ phải tập cộng tác với mọi người và bất cứ ai. Họ nên chân thành nhìn nhận rằng kiến thức và khả năng chuyên môn của họ không cho họ đứng đầu trong mọi lãnh vực. Cho dù nền văn minh đã đào tạo họ có chứa đựng ít nhiều tính chất nhân bản đại đồng nhưng đừng nghĩ rằng nền văn minh đó là độc nhất và hơn hết. Bởi thế khi đem du nhập vào các nước ngoài thì phải được thích nghi đầy đủ với hoàn cảnh địa phương. Những ai lãnh trách nhiệm như thế là phải lưu tâm khám phá ra lịch sử cũng như những tính chất và kho tàng văn hóa của xứ sở đón tiếp họ. Nhờ tiếp xúc với nhau như thế, cả hai nền văn minh đều sẽ cùng thêm phong phú.

Đối thoại giữa các văn minh

73. Văn minh là văn minh, cũng như người đối thoại với người chân thành để làm phát sinh đoàn kết và huynh đệ. Công cuộc phát triển chung này sẽ làm cho các dân tộc thêm gần nhau, nếu tất cả mọi người, từ những người đứng đầu và những người đại diện họ cho tới một chuyên viên tầm thường nhất đều có tình thương huynh đệ và đều chân thành mong ước một nền văn minh đại đồng cho thế giới. Lúc đó mới bắt đầu một cuộc đối thoại biết chú trọng đến con người chứ không phải chỉ chú trọng đến tài nguyên và hàng hóa. Cuộc đối thoại này sẽ có nhiều thành quả, nếu nó mở đường cho các dân tộc trong cuộc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống tinh thần: nếu các kỹ thuật gia làm công việc của các nhà giáo dục và nếu nền giáo dục này có được một sắc thái cao quý hơn, ảnh hưởng đến tâm hồn cũng như phong tục,

không những làm phát triển kinh tế, mà còn làm thăng tiến con người. Như thế, khi viện trợ đã chấm dứt, mối giây liên lạc đã được thiết lập vẫn tồn tại vững mạnh. Ai lại không thấy những mối giây liên lạc như thế sẽ góp phần vào việc bảo vệ hòa bình trên thế giới?

Kêu gọi Thanh Niên

74. Chúng tôi biết rằng có rất nhiều thanh niên đã hăng hái và nhanh chóng đáp lại lời kêu gọi của Đức Piô XII để làm thành một tổ chức giáo dân truyền giáo[60]. Ngoài ra chúng tôi cũng biết, một số thanh niên khác đã tự nguyện đặt mình dưới quyền sử dụng của các tổ chức, công cũng như tư, có mục đích nhằm cộng tác với các nước đang mở mang. Chúng tôi cũng hoan hỷ nghe tin rằng ở vài nước, “*quân dịch*” có thể một phần trở thành “*dịch vụ xã hội*”, hoặc gọi tắt là “*dịch vụ*”. Chúng tôi hoan hỷ chúc lành cho các sáng kiến đó và những người có thiện chí thể hiện điều đó. Ước gì những ai tự nhận mình là đồ đệ của Chúa Kitô hãy nghe tiếng gọi của Người: “*Ta đói và các con đã cho Ta ăn, Ta khát và các con đã cho Ta uống, Ta từ xa tới, và các con đã đón tiếp Ta, Ta bị tù và các con đã đến gặp Ta*”[61]. Không ai có quyền thản nhiên nhìn số phận của người anh em mình, đang chìm đắm trong bần cùng, đang bị ngu dốt dày vò, đang khổ cực vì thiếu an ninh. Người tín hữu cũng phải chạnh lòng như Chúa Kitô, Đấng đã nói ra “*Ta thương xót quần chúng*”[62].

Cầu nguyện và hành động

75. Tất cả mọi người cũng thành khẩn kêu cầu Thiên Chúa toàn năng, cho nhân loại, một khi đã thắng những tai họa to lớn ấy, thì để lòng trí mà tìm cách đẩy lui nó. Cùng với lời cầu nguyện đó, mỗi người còn phải tự nguyện dấn thân, tùy sức lực và khả năng của mình, chiến đấu chống sự kém mở mang của các dân tộc. Ước gì cá nhân, đoàn thể, tất cả các quốc gia, nắm tay nhau như anh em, kẻ mạnh giúp kẻ yếu lớn lên, bỏ vào đó tất cả hiểu biết hăng say và tình thương vô vị lợi của mình. Hơn ai hết, người có tình thương anh em sẽ có biệt tài khám phá nguyên nhân của bần cùng, tìm thấy phương thức để diệt trừ nó. Là người xây dựng hòa bình, “*họ lên đường, nét mặt vui tươi, đổ tràn ánh sáng và ân sủng vào lòng mỗi người trên thế giới, giúp mọi người, dầu đi tới đâu, dầu vượt ra ngoài biên giới, cũng nhận ra những bộ mặt anh em và bạn hữu*”[63].

Một trật tự mới

76. Những chênh lệch quá lớn lao giữa các dân tộc về phương diện kinh tế, xã hội, và chủ thuyết, gây nên hận thù tranh chấp và đe dọa hòa bình thế giới. Như Chúng tôi đã nói với các nghị phụ Công đồng sau khi đi Liên Hiệp Quốc về: “*Chúng ta phải chú trọng đến hoàn cảnh sống của các nước kém mở mang; và nói rõ hơn, tình thương của chúng ta đối với người nghèo*

vô số trên thế giới, phải vồn vã hơn, hữu hiệu hơn và đại độ hơn”[64]. Chống bần cùng, chống bất công không phải chỉ là làm cho đời sống con người dễ chịu hơn, mà còn phát huy tinh thần đạo đức của mọi người và mưu cầu lợi ích chung của nhân loại. Hòa bình không phải chỉ là không có chiến tranh, hòa bình cũng không phải là thành quả của một sự quân bình giữa các sức mạnh, luôn bấp bênh – hòa bình được xây dựng ngày này sang ngày khác bằng cách thiết lập một trật tự công bằng hơn giữa loài người như Chúa muốn[65].

Ra khỏi cảnh cô độc

77. Các dân tộc chỉ thể hiện được sự mở mang của mình khi tự mình đảm nhiệm lấy mọi trách nhiệm. Nhưng công cuộc đó cũng không thể hoàn thành, nếu mỗi nước một mình cô độc. Vậy phải có những thỏa ước ký kết giữa các dân tộc nghèo cùng một miền, để giúp đỡ lẫn nhau; phải có những thỏa hiệp rộng rãi hơn để giúp đỡ các nước đó; phải có những hiệp ước khác quan trọng hơn giữa các nước khác nữa để thiết lập những chương trình chung: đó là những thứ cột làm mục tiêu trên con đường đưa đến những tiến bộ, đưa đến hòa bình.

Một uy quyền quốc tế hữu hiệu

78. Sự cộng tác giữa các dân tộc trên thế giới đòi hỏi những cơ cấu để sửa soạn, phối hiệp và điều khiển công cuộc đó cho tới lúc có một cơ cấu pháp lý được mọi người nhìn nhận. Chúng tôi hết lòng khuyến khích những tổ chức nhằm cộng tác với nhau để giúp các dân tộc phát triển, và chúng tôi cầu chúc cho uy tín các tổ chức gia tăng. Vì thế khi ngỏ lời trước các đại biểu Liên Hiệp Quốc tại Nữ Ước chúng tôi có nói: *“Sứ mạng của quý vị là cổ võ tình anh em, không phải chỉ giữa một vài dân tộc, mà tất cả mọi dân tộc. (...) Ai lại không thấy cần phải tiến dần như thế tới chỗ thiết lập một uy quyền quốc tế khả dĩ hành động hữu hiệu trên bình diện pháp lý và chính trị”*[66].

Hy vọng một thế giới tốt đẹp hơn

79. Có người sẽ cho những hy vọng như thế là không tưởng. Có thể là lối nhận định thực tại của họ có gì thiếu sót. Họ đã không nhận thấy động lực của một thế giới trong đó con người đang muốn sống với nhau như anh em hơn; và con người mặc dầu xa cách vì ngu dốt, lầm lạc, và mặc dầu mò mẫm lầm lạc, và tội lỗi, mặc dầu lăm lăm sa đi ngã lại trong lối sống man rợ, và mặc dầu mò mẫm dài dằng xa con đường cứu độ, con người ấy cho dầu không ý thức đi nữa vẫn dần dà xích lại gần Đấng Tạo Hóa của mình. Đường lối tiến đến chỗ nhân đạo hơn ấy đòi hỏi cố gắng và hy sinh, nhưng ngay cả khổ đau khi được chấp nhận vì tình thương đối với anh em chúng ta, cũng đem theo tiến bộ cho tất cả gia đình nhân loại. Các người giáo hữu Kitô biết

rằng kết hợp với lễ hy sinh của Đấng Cứu Thế là để góp công xây dựng Thân Mình Đức Kitô cho thành toàn, là để quy tụ dân Thiên Chúa lại[67].

Tất cả mọi người đều liên đới

80. Trên con đường ấy, tất cả mọi người đều phải liên đới. Do đó chúng tôi thấy có bốn phạm nhắc nhở mọi người về vấn đề rất nghiêm trọng ấy và về công cuộc phải cấp bách thể hiện. Giờ hành động đã điềm, bởi vì sự sống của bao trẻ em vô tội, hy vọng của bao gia đình nghèo khổ, hòa bình của thế giới, văn minh của nhân loại, tất cả đang bị đe dọa, hết thảy mọi người và hết thảy mọi dân tộc đều phải lãnh lấy trách nhiệm.

LỜI KÊU GỌI KẾT THÚC

Nói với người công giáo

81. Trước tiên, chúng tôi khẩn khoản kêu gọi tất cả con cái chúng tôi. Bởi vì trong những nước kém mở mang cũng như trong những nước khác, giáo dân có bốn phạm phải cải thiện đời sống xã hội của mình. Nếu vai trò của hàng Giáo phẩm là giảng dạy và giải thích, với thẩm quyền, các nguyên tắc luân lý phải theo trong lãnh vực này, thì phần của các giáo dân, là nhờ những sáng kiến tự do của họ và không vòng tay ngồi đợi mệnh lệnh và chỉ thị, đưa tinh thần Chúa Kitô vào trong não trạng và phong tục, luật lệ và cơ cấu của cộng đồng mình sống (68). Có những thay đổi cần thiết, có những cải tổ sâu xa phải thực hiện; thì nghĩa vụ của họ là làm hết sức để thổi vào đó tinh thần Tin Mừng. Riêng với các con cái chúng tôi thuộc về những nước may mắn thịnh vượng hơn, chúng tôi yêu cầu họ đem khả năng chuyên môn cộng tác tích cực với các tổ chức công, hay tư, đời hay đạo, có mục đích lướt thắng những khó khăn của các nước còn phải mở mang. Chúng tôi đoán chắc rằng họ sẽ sẵn sàng đứng đầu hàng ngũ những kẻ không từ chối một cố gắng nào để xây dựng trong thực tế một nền luân lý quốc tế hợp đạo công bình.

Nói với mọi tín hữu Chúa Kitô và những tín hữu khác

82. Chúng tôi chắc rằng toàn thể các Kitô hữu, anh em của chúng tôi sẽ muốn tăng sức cố gắng chung và đồng thời nhằm giúp thế giới thắng được ích kỷ, kiêu hãnh, và các mối tị hiềm, vượt lên trên những tham vọng và bất công, mở lối cho tất cả đi vào một nếp sống cho ra người hơn trong đó ai cũng được yêu thương và giúp đỡ như đồng loại, như anh em. Và, lòng còn cảm xúc vì cảnh hội ngộ không thể quên được ở Bombay với các anh em của chúng tôi ở ngoài

Kitô giáo, một lần nữa chúng tôi xin mời họ đem hết tất cả tâm trí ra hoạt động để làm sao cho con cái loài người có cơ hội sống một cảnh đời xứng đáng với con cái Thiên Chúa.

Nói với những người thành tâm

83. Sau cùng, chúng tôi hướng về tất cả những người thành tâm ý thức rằng con đường hòa bình phải đi qua phát triển. Là các đại diện trong các cơ quan quốc tế, là các chính khách, là các ký giả, là các nhà giáo dục, các ngài tất cả mỗi người ở chỗ đứng của mình, đều là những kẻ xây dựng một thế giới mới. Phần chúng tôi, Chúng tôi khẩn cầu Thiên Chúa Toàn Năng soi sáng trí tuệ và củng cố lòng can đảm của các ngài, để thức tỉnh lương tâm mọi người để ý tới những vấn đề tối quan trọng và thúc đẩy các dân tộc tìm cách giải quyết những vấn đề đó. Các nhà giáo dục, phần việc của các ngài là nhóm lên từ thuở thơ ấu tình thương đối với các dân tộc khốn cùng. Các ký giả, phần việc của các ngài là đưa ra trước mắt chúng tôi những cố gắng đã được thực hiện để xúc tiến việc tương trợ giữa các dân tộc cũng như ảnh hưởng những khốn cùng mà người ta dễ quên cho yên lương tâm: ước gì những kẻ giàu ít ra cũng biết rằng các kẻ nghèo ở ngay trước cửa nhà họ và đợi chờ phần thừa thãi từ các bữa tiệc của họ.

Nói với các chính khách

84. Các chính khách, nghĩa vụ của các ngài là làm cho các cộng đoàn tùy thuộc các ngài liên đới chặt chẽ hơn với mọi người; thuyết phục họ bằng lòng cho trích một phần xa hoa xài phí của họ để xúc tiến việc mở mang các dân tộc và bảo vệ hòa bình. Sau hết một phần lớn nhờ các ngài, quý vị đại diện trong các cơ quan quốc tế, để có thể thay thế những cuộc đụng độ bằng vũ lực nguy hiểm và vô bổ bằng sự hợp tác tinh thần, ôn hòa và vô vị lợi, để cho nhân loại được phát triển đồng đều và con người được nảy nở thêm lên.

Các người hiền

85. Thực ra thế giới bất ổn chẳng qua cũng vì thiếu suy tư. Vì thế chúng tôi kêu gọi những kẻ thức thời và những người hiền, những người công giáo và Kitô giáo, những kẻ tôn thờ Thượng Đế, những ai khát vọng công bình và chân lý tối cao, nghĩa là tất cả những ai thành tâm thiện chí. Chúng tôi dám mượn lời của Đức Kitô khẩn khoản thỉnh cầu các ngài: *“Hãy tìm rồi sẽ gặp thấy”*[68], hãy mở rộng các nẻo đường cho mọi người giúp đỡ nhau, hiểu biết thêm, yêu thương hơn, đưa tới một đời sống huynh đệ hơn, trong một cộng đồng nhân loại thật là đại đồng.

Tất cả mọi người tra tay vào việc.

86. Sau hết, anh em tất cả là những kẻ đã nghe tiếng kêu than của các dân tộc nghèo khổ, ra sức đáp lại tiếng gọi ấy. Có thể nói anh em là những tông đồ của một công cuộc phát triển đích thực và hữu ích, nghĩa là không phải thứ phát triển chỉ nhằm có của cải một cách ích kỷ và yêu mến nó như một cùng đích, nhưng là một thứ phát triển dựa trên một nền kinh tế nhằm phục vụ con người, nhằm phân phối đều cơm bánh hằng ngày cho mọi người như một nguồn tình thương huynh đệ và dấu hiệu Chúa quan phòng.

Chúc lành.

87. Chúng tôi hết lòng chúc phúc cho anh em, và chúng tôi kêu gọi mọi người thành tâm đến hợp sức với anh em trong tình huynh đệ. Bởi vì nếu ngày hôm nay phát triển là danh hiệu mới của hòa bình, thì ai lại không đem hết tâm trí và sức lực vào công cuộc phát triển ấy? Vì vậy chúng tôi khuyên mời anh em, vì Danh Thiên Chúa, hãy mau đáp lại tiếng gọi lo âu của chúng tôi.

*Ban hành tại Vatican, cạnh Đền Thánh Phêrô,
Lễ Phục Sinh, ngày 26 tháng 03 năm 1967*

+ PAULUS VI

Giáo Hoàng

Bản dịch của Đại Chủng Viện Thánh Giuse Sài Gòn

[47] Diễn văn tiếp đại diện các tôn giáo ngoài Kitô giáo 3-12-1964 tại Bombay, AAS 57 (1965) trang 132 .

[48] Thư của Thánh Giacôbê 2, 15-16

[49] Mater et Magistra ibid trang 440.

[50] AAS 56 (1964) 57-58

[51] Documentation Catholique quyển 43, 1965 cột 403-40

[52] Luca 16, 19-31.

[53] Hiến chế mục vụ 86 : 3 .

[54] Luca 12,20 .

[55] Điệp văn gửi thế giới 4-12-1964 AAS 57 (1965) trang 135 .

[56] Rerum Novarum (xem acta Leonis XIII (1892) trang 13) .

[57] Rerum Novarum (xem acta Leonis XIII (1892) trang 98) .

[58] Hiến chế mục vụ số 85 đoạn 2

[59] Thông điệp Fidei Donum 21-4-1957 AAS 49 (1957) trang 246

[60] Matthêu 25,35-36 .

[61] Marco 8,2

[62] Điệp văn của Đức Gioan XXIII dịp trao giải thưởng Balzan 10-5-1963

[63] Văn kiện Tòa Thánh AAS 57 (1965) trang 896 .

[64] Thông điệp Pacem in Terris (xem văn kiện Tòa Thánh AAS 55 (1963) trang 301

[65] Văn kiện AAS 57 (1965) trang 880

[66] Xem Êphêso 4,12 ; Hiến chế về Giáo hội số 13

[67] Sắc lệnh Công đồng về Tông đồ giáo dân số 7,13,24

[68] Luca 11,9.

VỀ MỤC LỤC

NƯỚC TRỜI: NHÀ RỘNG - CỬA HẸP

Tin Mừng Chúa Nhật XXI Thường Niên C (Luca 13,22-30)

Bài đọc I: Is 66,18-21; Bài đọc II: Dt 12,5-7.11-13

I.- DẪN NHẬP

Ngày trước, khi chúng tôi còn đang hăng ngày, mỗi tuần năm buổi đến mái trường Thần Học để mài dùi kinh sử. Vì là những sinh viên thần học trẻ trung năng động, có lúc quá hăng say khám phá một vấn đề của môn học, nên cứ bám theo cha giáo để hỏi cho tỏ tường; lại cũng có lúc cắc cớ muốn hỏi cha giáo một câu hỏi “nước đôi” như thế để thử thách ngài.

Thật đúng như câu danh ngôn: “*Trò không thể hơn Thầy*”. Vì không phải câu hỏi nào cũng được giáo sư trả lời. Có câu hỏi cha giáo trả lời tận tình tận kẽ, vì đó là câu hỏi chính đáng. Song, cũng có câu hỏi cha giáo không trả lời, và ngài nói luôn rằng: “*câu hỏi dở không trả lời*”, “*Vì một câu hỏi dở, đồng nghĩa với một câu hỏi sai, và như thế chắc chắn là phát xuất từ một quan niệm sai*”. Quả thực, người thầy khôn ngoan, không bao giờ trả lời trực tiếp dạng câu hỏi kiểu này. Tuy nhiên, ngài vẫn dùng một cách khác thay cho câu trả lời mà không bị sập bẫy kẻ xấu.

Vào thời Chúa Giêsu cũng có nhiều người Dothái “cắc cớ” hỏi Chúa Giêsu những câu hỏi “dở”, và trình thuật Tin Mừng hôm nay, Thánh sử Luca cho chúng ta thấy, có người muốn biết số người được cứu độ ít hay nhiều nên đã hỏi Chúa rằng: “*Những người được cứu thoát thì ít, phải không? Thưa Ngài*” (Lc 13,23). Nhưng Chúa Giêsu đã không trực tiếp trả lời câu hỏi của họ một cách xác định. Ngài không nói số người được chia sẻ hạnh phúc Nước Trời nhiều hay ít. Cũng như hôm nào, Ngài không muốn nói rõ ngày nào tận thế (x. Lc 12,40-45). Có lẽ Ngài tránh né hai thái độ tiêu cực sau: Nếu Ngài khẳng định rằng số người được cứu thoát là nhiều, thì người ta sẽ ỷ lại vào tình thương của Chúa khi biết có nhiều người được cứu độ, và hậu quả sẽ là một đời sống bê tha, tội lỗi, thiếu nghiêm chỉnh; hoặc nếu Ngài khẳng định số người được cứu độ là số ít, thì sẽ dễ gây cho người ta chán nản, ngã lòng, buông xuôi, vì biết có ít người được cứu độ. Cả hai cách trả lời, cách nào cũng không tốt, có khi cách sau không tốt hơn. Cho nên Chúa Giêsu đã lợi dụng câu hỏi để dạy một bài học đầy đủ hơn. **Và Chúa Giêsu chỉ đưa ra cho họ những điều kiện cần thiết để nhắc nhở họ phải cố gắng mới được vào Nước Trời. Đó là phải qua cửa hẹp.**

II.- CỬA HẸP

1. Cửa hẹp mà không “chật”:

Tôi đã từng nhiều lần qua cửa hẹp, nhưng không “chật” mà vẫn thênh thang; người gầy, người mập, trẻ em, người lớn... không phân biệt màu da, không phân biệt tuổi tác, không phân biệt cân nặng bao nhiêu... ai cũng thênh thang bước vào. Đó là những lần tôi đi thi, đi xem Cinéma, lên máy bay, hay vào tiệc cưới... với điều kiện tay tôi phải có phiếu báo danh, một chiếc vé vào cổng hay một tấm thiệp mời...

Cửa vào Nước Trời tuy hẹp, nhưng không chật. Vì Tiên tri Isaia, với những lời văn rõ ràng, đã trình bày ý định của Thiên Chúa muốn qui tụ mọi dân tộc, mọi quốc gia thành một dân duy nhất (chứ không riêng gì dân Dothái) sẽ tin vào Ngài, đến với Ngài và hưởng hạnh phúc muôn đời với Ngài. Tuy nhiên, cũng phải có điều kiện, đó là lễ phẩm tiến dâng Đức Chúa. (x. Bài đọc I: Is 66,18-21)

Cửa vào Nước Trời tuy hẹp, nhưng không chật. Vì những ai được Chúa thương thì Người sẽ nhận làm con, và Cha ở đâu thì con cũng sẽ ở đó. Tuy nhiên, cũng phải có điều kiện, đó là vâng nghe lời Chúa sửa dạy, chớ nản lòng khi Người khiển trách. (x. Bài đọc II: Dt 12,5-13)

Cửa vào Nước Trời tuy hẹp, nhưng không chật. Vì tất cả mọi người đều được mời gọi vào nhà Chúa Cha và được tham dự Bàn tiệc Thiên quốc. Nhưng không có nghĩa là muốn vào là được. Cánh cửa thì hẹp, muốn vào cần phải nỗ lực. Nỗ lực sống thực thi ý Chúa; nỗ lực trung thành với niềm tin của mình và nỗ lực sống tình bác ái yêu thương. (x. Lc 13,22-30)

Như vậy, câu trả lời của Chúa Giêsu trong bài Tin Mừng và ý nghĩa của hai bài đọc đã cho chúng ta thấy. Bất luận là ai cũng có thể được vào Nước Trời, miễn là phải cố gắng. Không có một quốc gia, một dân tộc, hay một tôn giáo nào có quyền miễn trừ khi vào Nước Trời cả. Chỉ có tiêu chuẩn cho đời sống cá nhân là lòng trung thành thực hiện Lời Chúa mới là điều kiện “là tấm vé hay tấm thiệp mời” để xét được vào hay không. Người ta sẽ từ Đông sang Tây, từ Bắc chí Nam vào dự tiệc Nước Trời. Tất cả là do nỗ lực và thành tâm thiện chí của mỗi cá nhân; không do sự định mệnh, không do đặc quyền đặc lợi, cũng không có chế độ ưu tiên nào, chỉ có sự tự do và quyết tâm đi vào cửa của mỗi người trong đức tin mà thôi.

2. Cửa hẹp để thử thách sự nhiệt thành:

Thiên Chúa là Cha giàu lòng nhân từ, Ngài thường dùng những thử thách để giáo dục con người, như người cha ân cần uốn nắn, sửa dạy con yêu dấu của mình, làm cho vững mạnh, can đảm và thánh thiện (x. Dt 12,5-13)... Ngài còn động viên những ai bị thử thách trong đức tin hãy can đảm chịu đựng thử thách. Ai vượt qua được thử thách sẽ gặt hái được bình an và sự công chính.

Trong cuộc sống đức tin của người Kitô hữu, chắc chắn sẽ có những khó khăn thử thách. Đối diện với chúng, mỗi người hãy tự tin, can đảm và kiên nhẫn chịu đựng vì đó chính là điều Thiên Chúa muốn huấn luyện tình yêu và đức tin của chúng ta.

Vào cửa hẹp đòi hỏi phải nỗ lực: Nỗ lực tìm kiếm, nỗ lực sống theo ý Chúa. Ai nỗ lực đi theo Chúa thì chắc chắn được cứu độ, được vào Nước Trời dự tiệc mà bất luận họ là ai.

"Cửa hẹp" còn diễn tả sự nhiệt thành, cố gắng vượt khó. Muốn vào Nước Trời thì phải cố gắng nhiều, dù có khó như câu chuyện con lạc đà chui qua lỗ kim (x. Mt 19,24, Mc 10,25, Lc 18,25), cũng cứ cố gắng mà vào. Vì số lượng những kẻ vào Nước Trời (nhiều hay ít), và danh tính hay thân phận của những người ấy là (Dothái hay dân ngoại) đều không quan trọng. Vấn đề quan trọng là phải nhiệt thành cố gắng đi qua cửa hẹp mà vào.

3. Cửa hẹp, là một cách nói khác để diễn tả con đường thập giá:

Cửa hẹp hay con đường hẹp và cửa rộng hay con đường thênh thang thường là những ẩn dụ Chúa Giêsu dùng để khuyên bảo mọi người cố gắng phấn đấu trong đời sống đức tin. Cửa hẹp là con đường dẫn đến sự sống vĩnh cửu đời đời sẽ phải đi qua nhiều khó khăn, thử thách. Trong Tin Mừng Chúa Giêsu đã nói nhiều và rất rõ ràng về con đường thập giá, con đường mà ai muốn theo Người luôn phải đi vào. Vì thế, qua cửa hẹp cũng là một cách nói về con đường thập giá của Chúa Giêsu. Cửa rộng và đường thênh thang là lối đưa đến sự hư mất.

Muốn được cứu rỗi thì phải chiến đấu để qua cửa hẹp mà vào. Qua cửa hẹp, nghĩa là phải sám hối, phải uốn nắn đời sống theo những giáo huấn của Tin Mừng. Chúa Giêsu nói với mọi người: *"Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo"* (Lc 9,23); *"Ai không vác thập giá mình mà đi theo tôi, thì không thể làm môn đệ tôi được"* (Lc 14,27).

Đối với người Kitô hữu, một khi đã được thanh tẩy, trở nên con cái Chúa thì cũng chưa hẳn đương nhiên là vào được cửa hẹp. Đón nhận đức tin chưa đủ mà điều quan trọng hơn là phải sống đức tin, là con đường vác thập giá mình. Nếu không, thì chính người Kitô hữu sẽ bị loại ra đầu tiên trước khi cửa đã đóng lại và câu trả lời sẽ là *"Ta không biết các ngươi là ai, từ đâu đến!"* (Lc 13,25). Lúc đó không thể nói với Chúa: Lạy Chúa con vẫn hằng ngày đi lễ, rước lễ, đọc kinh cầu nguyện sao con không được vào? Những chuyện đó chưa đủ mà phải nỗ lực sống Tin Mừng vác thập giá mình hằng ngày nữa.

4. Cửa hẹp, ám chỉ việc thi hành Thánh Ý Thiên Chúa:

Chúa Giêsu mời gọi chúng ta bước vào cánh cửa hẹp thì chính Ngài đã là mẫu gương cho chúng ta noi theo. Đối với Ngài con đường hẹp chính là con đường tìm kiếm và thực thi Thánh Ý Chúa Cha: *"Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn Đấng đã sai Thầy và hoàn tất công trình của Người"* (Ga 4,34).

Cũng như trong vườn Cây Dầu, Chúa Giêsu lo âu, buồn phiền run sợ trước cái chết đầy đau thương, nhục nhã trên thập giá, đến nỗi Ngài đã phải cầu nguyện nhiều lần, mồ hôi đổ ra như máu nhỏ xuống đất, để xin hoàn tất Thánh ý Cha (x. Lc 22,42-44) và chỉ khi hoàn tất cuộc chiến cam go này, Ngài mới bình an phó dâng linh hồn trong tay Chúa Cha.

Qua đó, mỗi người Kitô hữu phải ý thức rằng: Đường về Nhà Cha, hay đường vào Nước Trời là con đường hẹp, con đường gian khổ thử thách đời đời mỗi lữ khách phải phấn đấu và chịu hy sinh. Con đường hẹp mà chính Chúa Giêsu đã đi qua là con đường vâng theo Thánh Ý Chúa Cha. Chúng ta trong cuộc sống hằng ngày cũng phải trải qua con đường ấy, bằng việc thực thi Lời Chúa, sống bác ái yêu thương, chia sẻ tấm lòng tương thân tương ái với những người nghèo khổ bất hạnh. Chúng ta cần cầu xin Chúa Thánh Thần ban xuống muôn ơn để trợ giúp, soi dẫn chúng ta tiến lên trên đường theo Chúa qua đường hẹp. Biến con đường hẹp trở thành con đường của ước mơ.

5. Cửa hẹp lắm kẻ ước mơ:

Trên hành trình tiến qua cửa hẹp vào Nước Trời đầy khó khăn thử thách, mỗi người cần phải có lòng can trường, ý chí mạnh mẽ và niềm tin yêu hy vọng. Nhận thức được cửa hẹp là cửa đưa dẫn vào Nước Trời, mỗi Kitô hữu phải cố gắng nỗ lực và tin tưởng dần bước. *"Hãy qua cửa hẹp mà vào, vì cửa rộng và đường thênh thang thì đưa đến diệt vong, mà nhiều người lại đi qua đó. Còn cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm được lối ấy"* (Mt 7,13-14). *"Hãy chiến đấu để qua được cửa hẹp mà vào, vì tôi nói cho anh em biết: có nhiều người sẽ tìm cách vào mà không thể được"* (Lc 13,24).

Có một lúc nào đó cánh cửa sẽ khép lại, cho nên ai muốn vào thì cần phải nhanh chân bước vào. Một khi cửa đã khép lại, thì bất kể là ai, có muốn vào cũng không vào được, bởi vì lòng họ còn đầy đam mê và những ý muốn bất chính, hoặc tâm hồn họ không hướng về Nước Trời, mà chỉ hướng về trần thế với đủ mọi cám dỗ đưa đến sa đọa và diệt vong. Họ tự đóng cửa Nước Trời chứ không phải Chúa (x. Mt 23,13), bởi họ khinh thường Lễ Luật và các phương tiện nên thánh cũng như các giáo huấn mà Chúa đã truyền dạy!. *Vì thế, "Có những kẻ đứng chót sẽ lên hàng đầu, và có những kẻ đứng đầu sẽ xuống hàng chót"* (Lc 13,30). Đó là bất ngờ đau đớn cho *"những kẻ đứng đầu"*. Họ là những người được Chúa ban cho giàu có nhưng lại sống trong ích kỷ, chỉ biết thu vén cho mình những của cải đời này, mà không biết chia sẻ trao ban như luật yêu thương Chúa dạy. Chính tài sản, tính ích kỷ và tâm hồn chai đá làm cho họ vướng víu, nên không thể qua *"cửa hẹp"* mà vào được Nước Trời. Cho nên, chúng ta có thể khẳng định rằng: tính cách hẹp của cửa không hệ tại cửa hẹp, mà hệ tại tấm lòng hay ý muốn của con người.

Và như thế, việc vào được cửa hẹp, lại là cửa dành cho người thành tâm trong cuộc sống. Từ đây, cửa hẹp bỗng trở thành cánh cửa của bao người thiện chí hằng mơ ước, và ai cũng có quyền mơ ước và có khả năng vào, nhưng muốn được vào cần phải cố gắng bằng nỗ lực sống Tin Mừng.

Vậy mỗi người Kitô hữu chúng ta hôm nay đã và đang nỗ lực như thế nào? Cửa tuy có hẹp nhưng chúng ta đừng lo sợ không vào được, ơn Chúa đủ cho thiện chí của mỗi người chúng ta. Vấn đề là mỗi người hãy quyết tâm vào cho bằng được. Vì qua thập giá sẽ đến vinh quang, qua cửa hẹp sẽ vào Nước Trời vinh phúc.

III.- NƯỚC TRỜI

1. Nước trời là một ngôi nhà rộng:

Cánh cửa vào Nước Trời dầu có hẹp nhưng vẫn đủ rộng để đón mọi người và từng người đi vào, vì Chúa Giêsu đã từng nói: *"Trong nhà Cha Thầy có nhiều chỗ ở"* (Ga 14,2). Tuy nhiên, dù có thể đón hết mọi người, nó vẫn là cánh cửa hẹp chứ không phải là một lối đi thênh thang. Để qua được, đòi hỏi phải nỗ lực phấn đấu không ngừng trong cuộc sống đức tin. Việc quan trọng chính là sống thực hành giới răn yêu thương. Phải làm sao để mình trở nên men, muối Tin Mừng cho thế gian, và vì thế, vào hay không vào, lại là việc không dễ dàng chút nào, đòi hỏi phải cố gắng, kiên trì và nhiều nghị lực *"Ai bền tâm, vững chí đến cùng, người ấy sẽ được cứu độ"* (Mt 10,22; 24,13).

2. Bước theo người mở đường:

Chúa Giêsu đã mở đường về Nước Trời. Muốn vào Nước Trời chẳng có con đường nào khác ngoài con đường mà Chúa Giêsu đã đi. Chẳng có cửa nào khác ngoài khung cửa hẹp mà Chúa Giêsu đã qua. Ai muốn qua đó cũng phải noi gương Chúa Giêsu phấn đấu hạ mình thăm sâu và thu mình thành bé nhỏ nghèo hèn. Chỉ những ai hạ mình khiêm tốn và từ bỏ hết cái tôi công kênh, ích kỷ, mới qua được khung cửa hẹp mà vào Nước Thiên Chúa.

Có thể nói cuộc đời người Kitô hữu theo Chúa luôn là hành trình đi vào cửa hẹp của Nước Trời. Bước đến Nhà Thờ các ngày Chúa Nhật hay tham dự các Bí Tích... gọi ra cho chúng ta những quyết tâm không ngừng trong việc chọn Chúa và Nước Trời. Khi chọn Chúa thì cửa Nước Trời sẽ mở; nhưng khi xa Chúa thì chính ta sẽ tự động đóng cửa ấy lại! Quả thực Chúa cần ta để Ngài ban ơn cứu độ; ngược lại ta rất cần Ngài để lãnh ơn cứu độ đó.

3. Nhà rộng nhưng không phải ai cũng dễ vào:

Vì "Không phải bất cứ ai thừa với Thầy: "Lạy Chúa! lạy Chúa!" là được vào Nước Trời cả đâu! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy là Đấng ngự trên trời, mới được vào mà thôi" (Mt 7,21).

Vậy, ý Chúa muốn là những điều gì? Thừa, điều Chúa Muốn chúng ta làm nếu kể chi tiết từng việc thì rất nhiều, nhưng chung quy là ở điểm này: Chúa Giêsu dạy rằng: "Anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên Trời là Đấng hoàn thiện" (Mt 5, 48). Và một khẳng định nữa tương tự: "Thầy bảo cho anh em biết, nếu anh em không ăn ở công chính hơn các kinh sư và người Phariseu, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời" (Mt 5,20).

Vì thế, người Kitô hữu muốn trở nên hoàn thiện, thì phải sống theo con đường toàn thiện của Chúa Giêsu, đó là:

1/ Sống siêu thoát: Không tham lam tiền của, nghĩa là dùng tiền của theo ý Chúa ban, là sống đơn giản không hoang phí. Biết chia sẻ của cải với người thiếu thốn, sẵn sàng hy sinh bất cứ điều gì mà lòng mến Chúa – yêu người đòi hỏi. Vì "Nếu người ta được cả thế giới mà lại đánh mất chính mình hay là thiệt thân, thì nào có lợi gì?" (Lc 9,25; Mt 16,26; Mc 8,36).

2/ Sống trong sạch: Không để cho lòng mình ước muốn điều xấu, hay dục vọng, đam mê lôi cuốn. Biết chế ngự và làm chủ thân xác. Chẳng những trong sạch nơi các hành vi bên ngoài, nhưng còn giữ cho tư tưởng và tâm hồn được trong sáng nữa. "Phúc thay ai giữ lòng trong sạch, vì sẽ được thấy mặt Đức Chúa Trời" (Tám mỗi phúc).

3/ Sống khiêm tốn: Không tự phụ, không phô trương, nhưng giữ kín việc thiện mình làm. Coi mình nhỏ bé trước Thiên Chúa. Biết phục thiện và nhìn nhận lỗi lầm của mình. (x. Lc 22,26; Mt 18,4; Gc 4,6; 1 Pr 5,6)

4/ Sống Yêu thương và phục vụ: Lòng mến Chúa buộc phải yêu người. Yêu thương chân thành và vị tha, không tìm tư lợi. Yêu thương mọi người không loại trừ ai. Lòng yêu thương bao giờ cũng hiền từ và khoan dung: không đoán xét khắt khe, không vội kết án, nhưng phải biết tìm mọi cách tạo nên bình an và hòa hợp. (x. 1Ga 4,16)

5/ Biết Tha thứ: Tha thứ là một phần không thể thiếu của tình yêu thương. Tha thứ vô điều kiện và không giới hạn như Thiên Chúa tha thứ cho chúng ta. Làm hòa là dấu thật lòng tha thứ. Tột đỉnh của yêu thương là yêu thương kẻ thù. Phải xét xử sự ác, nhưng vẫn phải thương người xấu. Yêu kẻ thù nghĩa là lấy sự lành đáp lại sự dữ. Lánh xa sự dữ cũng có nghĩa là chiến thắng sự dữ. (x. Lc 6,27-36; Mt 5,44-45; 6,14)

6/ Làm theo ý Thiên Chúa: Lấy ý Thiên Chúa làm ánh sáng hướng dẫn mọi việc làm, dầu ý đó có đòi hỏi phải hy sinh quên mình. (x. Lc 22,42; Mt 7, 24-25; 12,50; Ga 15,10)

Tất cả những điều kể trên cũng chính là điều mà Chúa Giêsu đã khuyên một người thông luật kia, khi hỏi Chúa Giêsu: "Thưa Ngài, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?". Và Chúa Giêsu đã trả lời: "Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực và hết trí khôn người; và yêu mến người thân cận như chính mình" (Lc 10,27).

IV.- NHẬN ĐỊNH THAY LỜI KẾT

Trước hết, xin được nhắc lại hoàn cảnh của Bài Tin Mừng hôm nay. Chúa Giêsu nhắc nhở những người Dothái đừng lầm tưởng rằng, là con cháu của Abraham là dân riêng Chúa chọn thì được ưu tiên vào Nước Trời cả đâu. Ngay cả những người sống cùng thời với Chúa Giêsu, cùng ăn uống, cùng sống với Ngài hay đã nghe chính lời Ngài giảng dạy, thậm chí cả những người đã từng nhân danh Chúa mà rao giảng. Tất cả những điều đó chẳng có ích gì nếu như họ không quyết tâm thực hành Lời Chúa. Trong khi đó tất cả những anh em lương dân, những

người ngoại giáo từ khắp tứ phương thiên hạ sẽ được vào dự tiệc Muôn Đồi, nếu họ “biết Tin Kính Thiên Chúa, vâng nghe Lời Chúa Giêsu và chấp nhận qua cửa hẹp”.

Lời Chúa hôm nay cũng cảnh báo mỗi người tín hữu chúng ta. Vì có không ít người trong chúng ta tự hào về đời sống đạo đức của mình. Mình đi lễ mỗi ngày, đọc kinh sớm tối, tham gia các hội đoàn trong giáo xứ. Tất cả những điều đó rất tốt, nhưng chưa đủ, nếu nó không được kèm thêm điều quan trọng nhất, là chúng ta có sống theo Lời Chúa dạy trong cuộc sống hằng ngày hay không?

Cửa hẹp không phải vì Nước Trời chật hẹp. Nước Trời rộng mênh mông, có thể đón tiếp tất cả mọi người. Nhưng không phải tất cả mọi người đều vào được, vì vào Nước Trời đòi có những điều kiện cần thiết. **Cửa hẹp chính là để tuyển lựa những người có phẩm chất thích hợp với Nước Trời. Ai muốn vào Nước Trời phải phấn đấu. “Hãy cố gắng mà vào qua cửa hẹp... vì có nhiều người tìm cách vào mà không vào được” (Lc 13,24).** Vấn đề không phải là bao nhiêu người được cứu và ai được cứu, mà là con người có nỗ lực để được Thiên Chúa cứu hay không.

Trong thực tế của Nước Trời, cửa không làm bằng vật chất, nhưng là Lễ Luật và các phương tiện nên thánh, đúng hơn là các phương tiện dẫn vào Nước Trời. Nước Trời đây phải hiểu theo nghĩa trong Phúc Âm mà Chúa Giêsu nói qua các dụ ngôn; do đó, Nước Trời vừa mang tính hữu hình, vừa tồn tại vĩnh cửu, và vì thế, nó vẫn tiếp tục cho đến tận thế trong ý nghĩa loan báo Tin Mừng về Nước Trời. Người ta sẽ nhận ra ngay tính cách hẹp và rộng của Nước Trời nếu hiểu rõ ràng và chính xác ý nghĩa các Lễ Luật, các phương tiện nên thánh và các giáo huấn của Chúa Giêsu.

Ước gì trong bữa tiệc Chung cuộc Nước Trời, có mặt mỗi người tín hữu chúng ta. Chúng ta hãy cảm ơn tình thương của Chúa, và hãy cầu nguyện để ngày càng có thêm nhiều người được biết Chúa và đến với Ngài. Bởi cuộc sống của chúng ta ngày hôm nay được quy hướng về cùng đích là Quê Hương ở trên Trời. Như lời xác tín của Thánh Phaolô Tông đồ trong thư Philipê: *“Quê hương chúng ta ở trên trời, và chúng ta nóng lòng mong đợi Chúa Giêsu Kitô từ trời đến cứu chúng ta”* (Pl 3,20).

Linh mục GBt. BÙI NGỌC DIỆP-TSVN

VỀ MỤC LỤC

THU MÌNH ĐỂ QUA CỬA HẸP GIÊSU

Chúa nhật XXI thường niên C

(Lc 13, 22-30)

Kính mời theo dõi video bài giảng tại đây:

https://www.youtube.com/watch?v=B4_Ozm5uMcM&feature=youtu.be

Phụng vụ Lời Chúa tuần này gợi lên trong chúng ta câu hỏi về tương quan giữa ta với Chúa. Tương quan về niềm tin, sự vâng nghe và thực hành lời Chúa.

Khi dân Do thái bị lưu đầy, Đền thờ bị phá hủy, ngôi vua bị truất phế, đất đai người ngoài chiếm đóng, số người còn lại phải sống trà trộn với dân ngoại, nên họ hỏi nhau : Thiên Chúa mà

cha ông chúng ta tin thờ có còn không ? Trong bối cảnh ấy, Isaia khuyến khích người lưu đày phải trở về không trễ nải, hồi hương là điều cần thiết. Dân ở nhà thì Isaia cho biết Thiên Chúa vẫn trung thành với lời hứa : *“Ta đến quy tụ mọi dân tộc”* ; *“sẽ dẫn tất cả anh em các người từ mọi dân tộc đến như của lễ dâng cho Chúa, họ cưới ngựa, đi xe, đi võng, cưới la, cưới lạc đà, đến núi thánh của Ta là Giêrusalem”* (Is 66, 18-21). Bởi Thiên Chúa là Đấng trung thành, giữ trọn điều Ngài đã hứa. *“Vi tình thương Chúa dành cho chúng tôi thực là mãnh liệt, và lòng trung thành của Chúa tồn tại muôn đời”* (Tv 116,2).

Quả thật, Thiên Chúa là Đấng trung thành và rất mực khoan dung, tội thì Chúa phạt, hoán cải thì Chúa cứu. Thư gửi tín hữu Do thái chứng minh : *“Khi Thiên Chúa yêu ai, thì Ngài sửa dạy người ấy, vì Chúa sửa dạy ai là kẻ Người yêu mến, và đánh đòn kẻ mà Người chọn làm con. Trong khi được sửa dạy, anh em hãy bền chí. Thiên Chúa xử sự với anh em như con cái: vì có người con nào mà cha không sửa phạt”* (Dt 12, 5-7.11-13). Thiên Chúa không muốn cứu chúng ta mà không cần chúng ta ! Đó là lý do Chúa Giêsu mời gọi chúng ta đi vào cửa hẹp.

Có người đặt câu hỏi : Cửa hẹp là cửa nào, cửa ấy có mấy cánh và ai là cửa? Cứ dựa vào lời Chúa Giêsu mà xác định : Chúa Giêsu chính là cửa, vì Người tuyên bố : 'Ta là cửa.' (Ga 10, 9). Nhưng có người thắc mắc : Thiên Chúa là Đấng rộng lượng vô biên, tại sao lại ví mình chẳng những là cửa, mà còn là cửa hẹp?

Xin thưa, cửa hẹp không phải vì cửa ấy nặng nề, khó khăn nhưng là vì Thiên Chúa muốn chúng ta hãy ở khiêm nhường, tin tưởng phó thác vào Thiên Chúa; nhìn nhận mình là người tội lỗi, cần đến ơn tha thứ của Thiên Chúa, nên khi Chúa Giêsu nói : *“Vào qua cửa hẹp”*, là Người muốn chúng ta phải thu hẹp mình lại, loại bỏ tính kiêu căng và ngạo mạn là thứ khiến chúng ta phình to ra, lấp cả Thiên Chúa. Chúa Giêsu là *“Cửa”* cửa ấy có tên là *‘tình thương’*, Chúa yêu thích kẻ khiêm nhường, ai sống khiêm nhường thì vào trường Giêsu, cửa tuy hẹp nhưng luôn rộng mở cho hết mọi người. Cửa hẹp nhưng lại có hai cánh, một cánh cửa hẹp, dành cho những loại bỏ sự kiêu căng để đi qua vừa; một cánh cửa rộng mở để Thiên Chúa chào đón tất cả mọi người.

Lời Chúa qua miệng tiên tri Isai : *“Ta đến quy tụ mọi dân tộc và mọi ngôn ngữ : chúng sẽ đến và nhìn thấy vinh quang của Ta”* (Is 66,18). Những lời trên vang lên trong phụng vụ, làm nổi bật chủ đề về ơn cứu độ phổ quát. Quả thật, Thiên Chúa mời gọi chúng ta can đảm đi vào cửa hẹp là cửa dẫn tới ơn cứu độ đời đời, như Tin Mừng Luca loan báo : *“Và người ta sẽ từ đông chí tây, từ bắc chí nam đến dự tiệc trong nước Thiên Chúa”* (Lc 13, 30). Ơn cứu độ mà Thiên Chúa ban cho chúng ta là một dòng chảy của tình yêu chan chứa. Dòng chảy ấy phá tan mọi ngăn cách, mở ra những viễn tượng ánh sáng và bình an.

Chúng ta cam kết với nhau hoán cải, không ngừng đào sâu tương quan của chúng ta với Thiên Chúa, đổi mới cách nghĩ của chúng ta, khước từ những thứ không cần thiết nơi tạm thế này, ngoảnh mặt trước cái tội vụ lợi, lôi kéo chúng ta xa rời Thiên Chúa. Chúa là cửa hẹp (x. Ga 10). Chỉ trong Thiên Chúa, chúng ta mới có thể được cứu độ.

Lạy Mẹ Maria, Cánh Cửa Thiên Quốc, chúng con nài xin Mẹ dẫn chúng con bước qua cánh cửa của đức tin mà tiến vào một con đường rộng rãi thênh thang, con đường của ơn cứu rỗi. Amen.

Lm. Antôn Nguyễn Văn Độ

VỀ MỤC LỤC

HAI CÁCH HIỂU CÂU KHÓ HIỂU

CN 20C :

Quen tai với những lời dịu dàng của Chúa, nào là “Hãy học cùng tôi vì tôi hiền lành và khiêm nhường trong lòng;” nào là “Phúc cho ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp...” mà hôm nay nghe từ miệng Chúa những câu ghê người : "Anh em tưởng rằng Thầy đến để ban hoà bình cho trái đất sao? Thầy bảo cho anh em biết : không phải thế đâu, nhưng là đem sự chia rẽ. Vì từ nay, năm người trong cùng một nhà sẽ chia rẽ nhau, ba chống lại hai, hai chống lại ba. Họ sẽ chia rẽ nhau : cha chống lại con trai, con trai chống lại cha; mẹ chống lại con gái, con gái chống lại mẹ; mẹ chồng chống lại nàng dâu, nàng dâu chống lại mẹ chồng."

Ta phải hiểu thế nào đây ? Có 2 cách hiểu :

1. Chính Giêsu là Đấng Thiên Sai

-Gioan Tẩy Giả khi bị tù đã nghi ngờ không biết ông Giêsu em họ mình có phải là Đức Kitô, là Đấng Chúa sai đến không. Và ông Giêsu đó đã ngầm bảo cho Gioan là chính mình là Đấng Thiên Sai, vì khi Đấng ấy đến thì “kẻ què được đi, điếc được nghe, mù được thấy, người chết sống lại...”

-Kinh Thánh và Do thái giáo chắc chắn biết rõ chủ đề chia rẽ trong gia đình vào thời buổi cuối cùng trước khi Đấng Thiên sai đến.

Sách Talmud, sách giảng giải bậc nhất của Do Thái giáo đã viết : “Thế hệ lúc con vua Đavít (tức Đấng Thiên Sai) đến là thế hệ mà con gái chống đối mẹ mình, nàng dâu chống đối mẹ chồng...”

Còn sách Tiên tri Mikê (7,6) nói về thời buổi cuối cùng khi Đức Kitô đến như sau : “Quả thật, con trai khinh thường cha, con gái đứng lên chống lại mẹ, nàng dâu chống mẹ chồng, người trong nhà lại hoá ra thù địch.”

Vậy, thay vì nói chính tôi là Đấng Thiên Sai, Đấng phải đến, thì Đức Giêsu nói “tôi đến gây chia rẽ mẹ chồng nàng dâu, con trai với cha, con gái với mẹ...” vì đó là những lời sấm, những hình ảnh Thánh Kinh dùng để chỉ ngày Chúa đến.

Ví như cô kia thách cậu nọ :

Bao giờ rau diếp làm cột đình,

gỗ lim thái ghém thì mình lấy ta.

Rồi bất ngờ có ngày anh lấy cô thật, anh Bất lấy chị Ngờ thật, thì thay vì nói hôm nay hai người lấy nhau, thiên hạ nói : hôm nay rau diếp làm cột đình, hôm nay gỗ lim thái ghém.

Thành ra chưa chắc Chúa có chia rẽ hay không, nhưng vì Kinh Thánh và sách Talmud nói, khi Đức Kitô đến, ngài sẽ chia rẽ nàng dâu mẹ chồng... thì Giêsu, thay vì nói chính mình là Đấng Kitô Thiên Sai, sẽ nói bóng gió : ta đến gây chia rẽ.

Mà có khi Ngài chia rẽ thật, vì Ngài đến đâu chia rẽ đó. Và đó là cách hiểu thứ hai.

2. Ngài đến gây chia rẽ

Không phải Ngài đến có mục đích gây chia rẽ, mà là Ngài đến, kẻ yêu Ngài và kẻ ghét Ngài trở nên xa nhau, chia rẽ. Vợ chồng trẻ đang thương nhau, có kẻ thứ ba xuất hiện là một cô gái, chồng mến cô gái này, còn vợ thì ghét cay ghét đắng, thế là vợ chồng chia rẽ nhau vì người thứ ba đến. Ngài đến gây chia rẽ.

-Khi bế trẻ Giêsu trên tay, cụ Simeon nói : đứa trẻ này sẽ nên có cho nhiều người vấp phạm, chia rẽ

-Trong dân chúng, có những người nghe các lời Đức Giêsu giảng thì nói : "Ông này thật là vị ngôn sứ." Kẻ khác rằng : "Ông này là Đấng Ki-tô." Nhưng có kẻ lại nói : "Đấng Ki-tô mà lại xuất thân từ Ga-li-lê sao ? Nào Kinh Thánh đã chẳng nói : Đấng Ki-tô xuất thân từ dòng dõi vua Đa-vít và từ Bê-lem, làng của vua Đa-vít sao ?" Vậy, vì Người mà dân chúng đâm ra chia rẽ.

-Trong nhóm Pha-ri-sêu, người thì nói : "Ông ta không thể là người của Thiên Chúa được, vì không giữ ngày sa-bát" ; kẻ thì bảo : "Một người tội lỗi sao có thể làm được những dấu lạ như vậy ?" Thế là họ đâm ra chia rẽ.

-Các tông đồ, môn đệ cũng chia rẽ nhau vì một lời quá chói tai của Đức Kitô Giêsu : Thịt Ta thật là của ăn, Máu Ta thật là của uống.

-Chia rẽ để phân biệt trắng đen, đúng sai, trung kiên hay bất tín. Thực tế chia rẽ đã xảy ra. Đó là lý do khiến người La-mã ghét Ki-tô giáo, bởi vì nó khiến gia đình phân tách.

Perpetua thuộc gia đình quý tộc, bị bắt vì Đạo. Cha của nàng vẫn là dân ngoại, thuyết phục nàng bỏ đạo. Chỉ vào chiếc bình nàng lễ phép nói với cha : "Thưa cha, người ta có thể gọi vật này bằng một cái tên nào khác hơn là cái bình không ? Đối với con cũng thế, con không thể cho mình một cái tên nào khác ngoài danh hiệu là Ki-tô hữu." Tức quá, ông đánh đập nàng tàn nhẫn, rồi bỏ đi nhiều ngày không tới.

Perpetua có một đứa con còn đang bú và nàng rất khổ vì phải xa con. Đứa bé kiệt sức nên người ta đưa lại cho mẹ nó, và nàng quên hết đau khổ vì có con bên cạnh.

Vì biết Perpetua con gái mình sắp bị án tử, người cha lại đến với những lời thăm thiết : "Con ơi, hãy thương đến mái tóc bạc của cha, hãy nhớ đến đôi tay cha đã dưỡng nuôi con. Hãy nhớ tới mẹ con, anh em con và đến con nhỏ của con nữa, nó sống làm sao nếu không có con. Con hãy bỏ Đạo, bỏ đi điều đã làm cho chúng ta mất tất cả."

Tuy rất cảm động và đau khổ, Perpetua chỉ ngẹn ngào trả lời : "Thưa cha, tại tòa án sẽ biết được đâu là điều Chúa muốn, bởi vì chúng ta không thuộc về mình."

Người cha còn cho đem đứa trẻ đến năn nỉ : "Con hãy thương đến đứa con nhỏ của con."

Tuy nhiên trước tòa án, cùng với các bạn khác, Perpetua đã công khai tuyên bố trung thành với Chúa và bằng lòng hi sinh tất cả.

Ngay cả trong gia đình tin Chúa cũng xảy ra chia rẽ. Cha của Phan-xi-cô muốn chàng theo nghề buôn bán để được giàu sang, còn chàng lại quyết tâm theo tiếng Chúa gọi sống nghèo khó tận cùng, thế là bố con chia rẽ nhau.

Sẽ không có chia rẽ giữa mẹ chồng nàng dâu, giữa con trai với cha, giữa con gái với mẹ, khi... ai nấy sống đúng với danh hiệu Kitô hữu, tức là bằng hữu, là fan, là cùng phe với Chúa Giêsu Kitô. Amen.

Lm. Anphong Nguyễn Công Minh, ofm

VỀ MỤC LỤC

THÁNH MONICA - NGƯỜI VỢ, NGƯỜI MẸ CAN ĐẢM VÀ ĐẠO HẠNH

Trần Mỹ Duyệt



TÓM LƯỢC LỊCH SỬ

Monica sinh năm 332 tại Thagaste, Numidia, đế quốc Roma. Ngày nay là Souk Ahras, Algeria.

Qua đời năm 387 tại Ostia, Italy, đế quốc Roma. Hưởng dương 55 tuổi. Góa chồng năm 38 tuổi.

Được tôn kính tại Giáo Hội Chính Thống Đông Phương, Cộng Đồng Anh Giáo, Chính Thống Đông Phương (gồm các giáo hội Ethiopian, Coptic, Armenian, Syrian, Indian và Eritrean) và Tin Lành Lutheran.

Lễ kính ngày 27 tháng 8.

Thánh Monica là vị thánh giúp giải quyết những cuộc hôn nhân gặp khó khăn, đổ vỡ,

Giúp những con cái hư hỏng quay trở về,

Giúp những nạn nhân của ngoại tình, những nạn nhân bị hành hung, thóa mạ, và

Hoán chuyển những người thân trong gia đình.

CUỘC ĐỜI CỦA THÁNH NỮ

Thánh Monica (c.331/2–387), (AD 322-387), còn được gọi là Thánh Monica thành Hippo, là một trong những vị thánh thuộc Công Giáo tiên khởi, thế kỷ thứ ba, và là mẹ của Thánh Augustine, Giám Mục, Tiến Sĩ Hội Thánh. Thánh Monica được tôn kính trong hầu hết cộng đồng và cộng đoàn Kitô giáo, các nữ tu viện vì những nhân đức anh hùng, phi thường, đặc biệt là sự can đảm, hy sinh, và bền bỉ trong kinh nguyện trước những đau khổ gây ra bởi người chồng ngoại tình, và người con hoang đàng. Nhờ liên lý cầu nguyện, siêng năng trong gương sáng và sự hy sinh, Monica đã đưa bà mẹ chồng, chồng và con là Augustine trở lại với Chúa, với Giáo Hội. Chính Thánh Augustine sau đó đã viết về người mẹ và cuộc trở lại của mình trong cuốn Tự Thuật (Confessions) của ngài.

Monica được cho là đã sinh ra tại Thagaste, ngày nay gọi là Souk Ahras thuộc Algeria. Monica kết hôn rất trẻ với Patricius, một viên chức ngoại đạo người Roma cai trị Thagaste. Ông được biết đến như một người với tính tình nóng nảy, cộc cằn, và có lối sống thiếu đạo đức. Những điều này là do di sản ông được truyền thụ từ mẹ của ông. Do đó, những việc làm đạo đức như cầu nguyện, thăm hỏi, giúp đỡ người cùng khổ của Monica đã làm cho Patricius bực bội, tuy vậy, ông vẫn giữ được sự kính nể đối với vợ mình. Nhờ lời cầu nguyện của Monica, một năm trước khi Patricius qua đời cả ông và mẹ ông đã được rửa tội.

Monica có ba người con, hai trai là Augustine và Navigius, và một gái là Perpetua, nhưng không một người con nào được rửa tội. Trường hợp Augustine hơi đặc biệt, trong lúc còn nhỏ, Augustine bị bệnh nặng, Monica đã nài nỉ chồng cho phép Augustine được rửa tội, Patricius đã đồng ý, nhưng khi Augustine khỏe lại, ông đã rút lại lời hứa.

Thời gian đi qua, trong khi Perpetua và Navigius bước vào đời sống đạo hạnh, thì Augustine lại bắt đầu cuộc sống lêu lổng, lười biếng. Augustine sau đó đã được gửi vào trường ở Madauros. Khi lên 17 tuổi, trong lúc ông đang theo học khoa tu từ học (rhetoric) tại Carthage thì cha ông, Patricius qua đời.

Cũng trong thời gian tại Carthage, Augustine đã theo giáo phái Manichaeism (Giáo phái Nhị Nguyên). Một giáo phái coi thế giới nguyên thủy xung đột giữa ánh sáng và bóng tối. Sau khi chết, con người được đưa khỏi thế giới vật chất để trở lại thế giới của ánh sáng, nơi mà từ đó sự sống của nó được tạo thành, và điều này khiến cho thánh Monica rất đau khổ. Monica đã cố lần đuổi Augustine ra khỏi nhà. Mặc dầu vậy, thánh nữ vẫn tin tưởng rằng với lời cầu nguyện, Augustine sẽ sớm được ơn ăn năn trở lại.

Một hôm, trong khi viếng một vị giám mục, ngài đã an ủi Monica rằng “một đứa con với những giọt nước mắt của người mẹ sẽ không bao giờ bị hư mất”. Can đảm, nhẫn nại và tin tưởng vào sức mạnh của lời cầu nguyện, Monica đã theo người con đi hoang này đến tận Roma, khi Augustine âm thầm trốn nhà. Nhưng khi Monica đến Roma thì Augustine lại trốn mẹ đi Milan. Không thất vọng, Monica đã đến Milan, ở đó gặp được Thánh Ambrose, nhờ ngài, Monica đã vui mừng nhìn thấy Augustine được ơn về lại với Chúa sau 17 năm trong nước mắt và kinh nguyện của mình.

Mẹ con đã trải qua sáu tháng hạnh phúc tại Rus Cassiciacum (ngày nay là Cassago Brianza), sau khi Augustine lãnh phép rửa tội tại thánh đường Gioan Tẩy Giả tại Milan. Trên con đường trở lại cố hương, cả hai đã dừng chân tại Civitavecchia và Ostia. Chính ở đây

Monica đã trút hơi thở cuối cùng để lại cho Augustine một sự nhớ thương và ông đã kết thúc cuốn Tự Thuật của mình ở đây.

Monica qua đời tại Ostia gần Roma vào năm 387. Thánh nữ được an táng tại Ostia. Những năm đầu hầu như bị quên lãng, mặc dù xác của thánh nữ được đưa về một hầm mộ dưới thánh đường Thánh Aureus vào thế kỷ thứ sáu. Vào thế kỷ thứ 13, phong trào tôn kính thánh nữ lan rộng, và lễ kính vào ngày 4 tháng Năm. Năm 1430, Giáo Hoàng Martin V truyền mang xác thánh nữ về Roma. Tại đây có rất nhiều phép lạ đã được thực hiện do lời cầu bầu của thánh nữ. Sau này, Tổng Giám Mục Rouen là Hồng Y d'Estouteville đã truyền xây một thánh đường dâng kính thánh Augustine ở Roma, và thánh tích của thánh nữ đã được mang về đây đặt tại bàn thờ bên trái thánh đường này.

Năm 1850 một hội được thành lập tại Notre Dame de Sion ở Paris do các bà mẹ Công Giáo dưới sự bảo trợ của Thánh Monica chuyên về cầu nguyện cho những người con và người chồng hoang đàng. Năm 1856 hội này được nâng lên thành Đoàn Thể Công Giáo lan rộng khắp thế giới có trụ sở tại Dublin, London, Liverpool, Sydney, Buenos Aires. Trước đó đã lâu, Giáo Hoàng Eugenius IV cũng đã cho phép thành lập một đoàn thể tương tự để hoạt động dưới sự phù trợ của Thánh Monica.

KINH CẦU VỚI THÁNH MONICA

Lạy Thánh Monica,

Con xin Ngài cầu cùng Chúa cho con.

Ngài thấu hiểu con đang cảm thấy như thế nào vì chính ngài cũng đã từng trải qua những đoạn trường ấy.

Con đang đau khổ, vô vọng, và thất vọng.

Con ao ước đứa con của con được trở về với Chúa Kitô và Giáo Hội, nhưng con không thể làm gì một mình.

Con cần ơn Chúa giúp.

Xin ngài cùng với con cầu xin ân sủng quyền năng của Thiên Chúa tuôn đổ trên đời sống của con con.

Xin ngài cầu cùng Chúa Giêsu làm tan chảy trái tim con của con, để chuẩn bị con đường ăn năn trở về, và xin ban Chúa Thánh Thần xuống trong đời sống của con con.

Amen

Prayer of St. Monica

St. Monica,

I need your prayers.

You know exactly how I'm feeling because you once felt it yourself.

I'm hurting, hopeless, and in despair.

I desperately want my child to return to Christ in his Church but I can't do it alone.

I need God's help.

Please join me in begging the Lord's powerful grace to flow into my child's life.

Ask the Lord Jesus to soften his heart, prepare a path for his conversion, and activate the Holy Spirit in his life.

Amen.

Tổng hợp tài liệu từ

Wikipedia, The Free encyclopedia, The Catholic Encyclopedia

Saint *Augustine* and his mother, Saint *Monica* by Ary Scheffer (*painting* from 1846).

[VỀ MỤC LỤC](#)

TÔI ĐI CẨM PHÒNG

Nghe hai chữ Linh Thao là lạ hay hay nhưng chẳng hiểu gì hai chữ ấy cả. Quái lạ! Mình là con người đạo gốc, gia đình có đạo cả mấy đời rồi mà chưa hề nghe hai chữ Linh Thao, mà lại là một phương pháp cẩm phòng: Linh Thao? Từ sự thắc mắc này khi biết có khóa Linh Thao được tổ chức tại Betzdorf, tôi tìm hỏi và ghi danh tham dự.

Nhà Concordia là một địa điểm kỳ lạ, không có số nhà, không có tên đường lại nằm hun hút giữa rừng thông, nhưng lạ thay, tôi chỉ hỏi thăm vài người dân sống ngoài làng, rồi tôi, trên con đường nhựa nho nhỏ, lái xe bon bon đến đúng chóc căn nhà có tấm bảng "**Haus Concordia**" ở ngay cổng vào, tấm bảng thật xinh với kiểu chữ „phăng-tê-dí“, ngạo nghễ đứng trên cây cột cao, tấm bảng cũng nho nhỏ dễ thương như căn nhà vậy.

Bước chân vào nhà tôi được tiếp đón bằng châu cà phê bánh ngọt, được gặp vài người đã quen, những người sắp quen, người nào cũng cười chào vui vẻ thoải mái, vì đây là dịp nghỉ ngơi cuối tuần trong Chúa?

Chỉ có mình tôi lo lắng không biết linh thao là làm những gì? Tại sao nó cũng là một phương pháp tĩnh tâm mà mình chưa hề biết đến. Thật mình đúng là một thằng ngố, mặc dầu ở Việt Nam tôi đã từng dự nào là hội họp trong giáo xứ, nào là tĩnh tâm mùa vọng, mùa Phục Sinh v.v... Tuy vậy, khi tiếp xúc với mọi người tôi tiếp nhận được ngay sự thoải mái vui vẻ nơi họ nhất là khá đông những khuôn mặt trẻ.

Đúng 18.00 giờ là giờ ăn chiều. Nhìn thức ăn chiều của người Đức là tôi muốn dội rồi, chỉ có bánh mì đen cắt lát sẵn ăn với bơ, Käse, Schinken, Salamie v.v... nhưng nghĩ lại, mình đến đây để tĩnh tâm thì **phải** hãm mình lo cho cái phần hồn, thì phần xác **phải** chay tịnh vậy. Thế là tôi vào bàn với mọi người vui vẻ... nhâm nhi bánh mì đen... Ô! Mà sao bánh ngon quá đi chứ! Có lẽ vì cái không khí mới mẻ vui vẻ trong tôi mà bánh trở thành ngon chẳng!? Cảm ơn Chúa.

Sau khi được người tổ chức giới thiệu linh mục giảng phòng và tất cả tham dự viên với những lời dí dỏm. Chúng tôi lại được cười thoải mái với những lời mở đầu dí dỏm hơn của vị linh mục giảng phòng, thật *phút đầu gặp gỡ* sao mà ân tình vui vẻ quá sức!

Bây giờ là giờ của Linh Thao, giờ của thao luyện linh hồn, ừ nhỉ, tại sao lâu nay ta chỉ thao luyện thể xác mà không bao giờ thao luyện linh hồn. Hồn ơi, từ giờ này trở đi là giờ của mi nghe... Làm linh thao là **phải** thi hành đúng bốn cái **phải** này: „**phải thính lặng để lắng nghe, phải cầu nguyện để gặp Chúa, phải nỗ lực để cộng tác, phải bàn hỏi để nhận định**“. Có như thế thì thao luyện cái linh hồn mới có kết quả.

Nhiều cái **phải** quá đi mất, luyện cái hồn mà cái xác **phải** chịu toàn những **phải là phải**. Chú gì nữa, khi tập thể thao ta cũng **phải** chịu bao nhiêu là cái **phải**, kể cả **phải** kiêng khem nhiều thứ, **phải** ăn uống điều độ, **phải** tập tành đều đều, **phải** từ chối nhiều thức ăn, không được đụng tới nữa ấy chứ. Thế thì cả hồn lẫn xác **phải** chấp nhận nhé.

Đêm đầu tiên giữ những cái **phải** ấy với tôi thật dễ ợt, cái thằng tôi chả thấy cái gì là **phải** cố gắng cả. Sau bữa ăn chiều ngày đầu tiên, chúng tôi được cha giới thiệu về Thánh I-nhã, người sáng lập ra phương pháp tĩnh tâm này và giảng giải về những điều kiện **phải** có là **thính lặng, cầu nguyện, nỗ lực, bàn hỏi**. Đó là những điều kiện cần và đủ để làm linh thao cách hữu hiệu trong hai ngày cấm phòng. Cha còn cẩn thận dặn dò, các anh chị mà giữ được nghiêm ngặt những điều kiện đó thì kết quả thu hoạch được cho linh hồn sẽ rất dồi dào và tốt đẹp.

Sau đó chúng tôi dự Thánh Lễ khai mạc, cầu xin Chúa Thánh Thần hiện diện ban ơn cho tất cả khóa được sốt sắng thao luyện linh hồn, nghỉ ngơi thể xác. Chúng tôi vào phòng họp giới thiệu nhau và chia sẻ về những tâm tình mình đến đây để làm gì, vì lý do hay vì sự thúc đẩy nào... v.v... rồi đi ngủ. Tôi đánh một giấc ngon lành cho đến khi nghe chuông của người phụ trách đánh thức tôi mới choàng tỉnh.

Thánh lễ đầu ngày thật sốt sắng, tâm hồn lâng lâng sung sướng kỳ lạ, chúng tôi dự của ăn thiêng liêng rồi mới dự của ăn trần thế. Trong giờ ăn mọi người vẫn quen miệng bô bô thăm hỏi nhau, nhìn lại cha giảng phòng, thấy ngài đang im lặng an nhiên tự tại, ngồi ăn như chìm đắm vào trong cõi tiên giữa thế trần, thế là mấy cái miệng chúng tôi tự nhiên **phải** im bật, cái mắt thì liếc liếc xem mọi người ra sao!. Gì chứ ngồi ăn mà phải giữ im lặng bên bao nhiêu người đẹp, muốn mở miệng làm quen mà không dám, cái miệng tôi ngứa ngáy quá sức, lời nói sắp vọt ra thì cái lưỡi lại **phải** rụt lại.

Chao ơi, linh thao chi mà khổ như ri hỉ, nhưng mà thôi, cái xác phàm này **phải** nhường nhịn cho cái hồn nhé. Thế là trong tinh thần **phải** nhường bộ tôi giữ thính lặng được dễ dàng. À thì ra mình tập được khiêm nhường nhường bộ rồi ... hà hà... một thành công đáng kể của cái xác **phải** nhường cái hồn chứ chưa khiêm nhường với ai cả.

Cứ thế với tinh thần nhường nhịn, tôi làm linh thao một cách vui vẻ, thoải mái mà thú vị nữa chứ, vì cái hồn và cái xác của tôi nó cứ đối chọi, í quên, đối thoại, cãi nhau chí chóc.

Qua hai ngày được nghe bao nhiêu lời xúc tích của linh mục diễn giải về Thánh Kinh, và tập cho chúng tôi cầu nguyện với Phúc Âm, tôi thấy có một cái gì lạ lạ xâm chiếm tâm hồn mình mà không giải thích được. Cái cảm giác này nó lạ lắm. Ô! sao mà linh thao tuyệt diệu như vậy mà phải ra tới Hải Ngoại mình mới biết đến. Từ trước tới giờ, theo truyền thống cầu nguyện trong gia đình, tôi chỉ đọc kinh lần hạt chuỗi mân côi thôi, chứ chưa khi nào cầu nguyện với Phúc Âm cả.

Tâm hồn tôi biến đổi cách lạ thường, thanh thần nhẹ nhàng, nhìn thấy ai cũng dễ thương, cảnh vật chung quanh trở nên đẹp để sống động vô cùng, nhìn đâu cũng thấy nhiệm màu của Thiên Chúa hiện diện, một niềm vui chan chứa trong hồn, tuyệt diệu vô cùng... Tôi thấy mình gần Chúa vô cùng hay đúng hơn Chúa cận kề tôi cách thấm thiết.

Trong Thánh Lễ Hòa Giải, cha đã hướng dẫn chúng tôi xét mình theo 10 điều răn của Chúa, 6 điều răn của Hội Thánh bằng tình yêu thương. Nhờ có ánh sáng chúa Thánh Thần chiếu rọi vào tâm hồn, tôi đã nhìn thấy cái tôi thật xấu xa, bần tiện, thô bỉ, khô khan và đầy tội lỗi, ấy thế mà tôi luôn luôn tự đắc là mình giỏi, mình đạo đức, đọc kinh sáng tối, mình thánh thiện hơn bao

nhieu người, tôi còn có chút địa vị trong xã hội Đức chứ bộ ít sao, có nhà đẹp, có xe sang, có con cái khôn ngoan học giỏi.

Chúa Nhật nào gia đình cũng cùng nhau đi dự Thánh Lễ, tổ chức từ thiện nào tôi cũng đóng góp, báo chí công giáo tôi cũng ủng hộ để gián tiếp rao truyền Lời Chúa. Tôi cứ đinh ninh rằng mình sống đạo như thế là chu toàn, đâu ngờ bây giờ trong những giây phút tĩnh lặng để xét sâu vào tâm hồn, mình mới thấy được cái thiếu sót quá nhiều của một Kitô hữu vì không có một chút yêu thương nào trong những việc mình làm.

Tôi can đảm xưng thú hết những tội trọng mà lâu nay dấu nhẹm, không dám xưng ra. Trong Thánh Lễ Hòa Giải tôi không cầm giữ được nước mắt, những giọt nước mắt ăn năn, những giọt nước mắt cảm động vì được tha thứ, những giọt nước mắt được Chúa thương yêu âu yếm ôm vào lòng. Đến phút giây chúc bình an cho nhau, chúng tôi ôm chúc nhau từng người thật cảm động rơi nước mắt vì sung sướng, vì hạnh phúc... rung động một tình yêu thương anh chị em trong đấng con tim.

Trở về cuộc sống thường ngày, những giây phút, những trải nghiệm trong mấy ngày qua như một cuốn phim quay chậm lại trong tôi. Tôi ngây ngất và nhớ mãi những giây phút tĩnh lặng thiêng liêng, nó vương vất mãi trong tôi, và nhớ đến những chia sẻ chân tình đầy nước mắt từ trong sâu thẳm trái tim của từng người, trong đêm cuối cùng của anh chị em tham dự... tôi lại mỉm cười lâng lâng sung sướng... Tôi trở nên dễ thương (vợ tôi nói thế, vì không còn để ý những chuyện nhỏ nhen lắm lắm, không còn quát mắng các con, không còn gia trưởng với bà xã trường mỗi khi đi làm về).

Cám ơn Chúa. Cám ơn cha giảng phòng, cám ơn ban tổ chức, cám ơn Linh Thao.

Elisabeth Nguyễn (theo lời kể một TDV)

VỀ MỤC LỤC

XIN VÂNG - THEO MẸ VỀ TRỜI

Jos. Hoàng Mạnh Hùng

Hình ảnh đẹp lung linh huyền nhiệm của người phụ nữ trong Thánh Kinh: *“Kìa bà nào xuất hiện như rạng đông, diễm kiều như vàng nguyệt, lộng lẫy tựa thái dương, oai hùng như đạo binh chinh tề hàng ngũ”* (Dc 6,10), và *“Một Phụ nữ, mình khoác mặt trời, chân đạp vàng trắng, và đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao”* (Kh 12,1) chính là hình bóng của Đức Maria - Người đã đón nhận ý Chúa qua sứ mạng thập giá đời mình bằng lòng tin phó thác.

Tin Mừng theo Thánh Luca (x. Lc 1,39-56) ngày lễ Đức Mẹ lên trời đã kể lại việc làm đầy ý nghĩa của Mẹ: nối kết tình yêu Thiên Chúa với tình yêu thương người là đi thăm bà Elisabeth. Mẹ đã nối kết niềm vui với lòng mến. Mẹ đã tạ ơn Chúa trong sâu thẳm nội tâm mình và bật thành lời qua bài ca Magnificat:

“Linh hồn tôi ngợi khen Thiên Chúa

Thần trí tôi hớn hở vui mừng

vì Thiên Chúa, Đấng cứu độ tôi.

Phận nữ tỳ hèn mọn,

Người đoái thương nhìn tới,

từ nay, hết mọi đời sẽ khen tôi diễm phúc”.

Niềm tin đã làm Mẹ trở vượt hơn mọi người trần thế. Mẹ xác quyết xin vâng theo ý Chúa chứ không bắt Chúa phải theo ý của mình. Đón nhận ý Chúa bằng lòng tin là luôn sống đẹp lòng Chúa trong sự giằng co của cái tôi chính mình. Niềm tin ấy giúp Mẹ biết từ bỏ chính mình, quên mình vì Chúa và vì hạnh phúc con người.

Khi đón nhận hai tiếng xin vâng, Mẹ luôn đón nhận mọi thăng trầm của cuộc sống trong bình an. Mẹ luôn bình an khi được trao ban sứ mạng, dù biết trước sứ mạng ấy sẽ gây đớn đau rướm máu cho người Con yêu dấu của mình.

Sự bình an ấy nằm trong lời chúc tụng: *”Linh hồn tôi ngợi khen Thiên Chúa”*. Linh hồn tôi là chính tôi, trọn vẹn con người tôi, cuộc sống tôi. Có bình an mới có khả năng dẫn thân tốt, vì làm sao có thể dẫn thân khi lòng mình chệnh vênh bất ổn!

Mẹ đã nhận ra nhu cầu đem Chúa đang hiện diện trong cung lòng mình đến với người chị họ Elizabeth. Bà Elizabeth đã ca ngợi Mẹ Maria là người diễm phúc hơn hết mọi phụ nữ vì bà nhận biết Mẹ là kẻ đã tin mọi điều Chúa truyền phán cho Mẹ sẽ thành hiện thực. Lời ca ngợi của bà Elizabeth cũng giống như lời ca khen của một phụ nữ: *”Phúc cho lòng dạ cựu mang Ngài và vú Ngài đã bú” (Lc 11, 27-28)*.

Sau khi chấm dứt cuộc đời dương thế, Mẹ được Thiên Chúa cất về trời cả xác và hồn. Mẹ lên trời để xin Chúa chuẩn bị con đường cho chúng ta về trời. Con đường về trời không xa mà cần có sự chuẩn bị lối sống ngay tại trần gian này.

Cần tập sống đạo bằng chiều sâu của bình an như Mẹ, chứ không phải bằng chiều cạn chông chênh cảm tính. Sống làm sao để thích nghi với Thiên Đàng trong lòng mình, xin vâng theo thánh ý Chúa trong tất cả mọi sự, lúc ấy chúng ta mới có thể thanh thản theo mẹ “về trời”.

Xin Mẹ cầu bầu cùng Chúa ban cho chúng ta ơn can đảm sống thánh giống như Mẹ. Xin dâng tất cả lòng cậy trông, tin yêu phó thác nơi Thánh Tâm Chúa để tạ ơn trong mọi sự. Amen.

VỀ MỤC LỤC

XIN NÓI LẠI NHỮNG KHÁC BIỆT CĂN BẢN GIỮA CÔNG GIÁO, CHÍNH THỐNG GIÁO, ANH GIÁO VÀ TIN LÀNH

Hỏi: Trong bài trước cha đã nói đến các Đạo cùng tôn thờ Thiên Chúa nhưng khác nhau về nhiều mặt thần học, tín lý, giáo lý, bí tích, phụng vụ .v.v

Xin cha nói rõ hơn về những khác biệt này giữa Công Giáo, Chính Thống, Anh Giáo và Tin Lành.

Trả lời:

Như đã giải thích trong bài trước, Đạo Thánh của Chúa Kitô và Giáo Hội duy nhất của Chúa xây trên Đá Tảng Phêrô, qua thời gian, đã bị rạn nứt hay ly giáo (schisms) phân chia thành ba Nhánh Kitô Giáo là Công Giáo Roma (The Roman Catholicism), Chính Thống Giáo Đông Phương (Eastern Orthodox Churches) và Tin Lành (Protestantism). Đây là hậu quả của những cuộc cải cách tôn giáo xảy ra vào thế kỷ XVI ở Tây Phương trên đây, từ đầu, đều thuộc Đạo Thánh của Chúa Kitô gọi chung là Kitô Giáo (Christianity). Nhưng theo dòng thời gian, đã có những biến cố gây ra tình trạng rạn nứt hay ly giáo (schisms) trong Giáo Hội nói chung. Ngoài ra, còn một nhánh Kitô Giáo nữa là Anh Giáo (Anglican Communion) do vua Henri VIII (1491-1547) của nước Anh

chủ xướng năm 1534 để lập một Giáo Hội riêng cho Nước Anh, tách khỏi Rôma chỉ vì Tòa Thánh La Mã (Đức Giáo Hoàng Clement VII) không chấp nhận cho nhà vua ly di để lấy vợ khác.

Cho đến nay, các nhóm ly khai trên vẫn chưa hiệp thông được với Giáo Hội Công Giáo vì còn nhiều trở ngại chưa vượt qua được.. Nguyên nhân thì có nhiều, nhưng giới hạn trong câu hỏi được đặt ra, tôi chỉ xin nêu sau đây những dị biệt căn bản giữa bốn Nhánh Kitô Giáo lớn trên đây mà thôi.

[I-Chính Thống \(orthodoxy\) khác biệt với Công Giáo La Mã \(Roman Catholicism\) ra sao?](#)

Trước hết, danh xưng Chính Thống "Orthodoxy", theo ngữ căn (etymology) Hy Lạp "orthodoxia", có nghĩa là "ca ngợi đúng (right-praise), "tin tưởng đúng" (right belief). Danh xưng này được dùng trước tiên để chỉ lập trường của các giáo đoàn Kitô đã tham dự các Công Đồng đại kết (Ecumenical Councils) Nicêa I (325) Ephêsô (431) và nhất là Chalcedon (451) trong đó họ đã đồng thanh chấp thuận và đề cao những giáo lý được coi là chân chính (sound doctrines), tinh tuyền của Kitô Giáo để chống lại những gì bị coi là tà thuyết hay lạc giáo (heresy). Do đó, trong bối cảnh này, từ ngữ "orthodoxy" được dùng để đối nghịch với từ ngữ "heresy" có nghĩa là tà thuyết hay lạc giáo.

Nhưng sau biến cố năm 1054 khi hai Giáo Hội Kitô Giáo Hy Lạp ở Constantinople (tượng trưng cho Đông Phương) và Giáo Hội Công Giáo La Mã (Tây Phương) đã xung đột và ra vạ tuyệt thông cho nhau (anathemas=excommunications) ngày 16 tháng 7 năm 1054 giữa Michael Cerularius, Thượng Phụ Constantinople và Đức Giáo Hoàng Leo IX vì có những bất đồng lớn về tín lý, thần học và quyền bính, thì danh xưng "Chính Thống" (orthodoxy) lại được dùng để chỉ Giáo Hội Hy Lạp ở Constantinople đã tách ra khỏi hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo La Mã. Sau này, Giáo Hội "Chính Thống" Hy Lạp ở Constantinople đã lan ra các quốc gia trong vùng như Thổ Nhĩ Kỳ, Nga, Albania, Estonia, Cyprus, Finland, Latvia, Lithuania, Rumania, Bulgaria, Serbia, Ukraine... Vì thế, ở mỗi quốc gia này cũng có Giáo Hội Chính Thống nhưng độc lập với nhau về mọi phương diện. Nghĩa là không có ai là người lãnh đạo chung của các Giáo Hội này, mặc dù họ có tên gọi chung là các Giáo Hội Chính Thống Đông Phương (Eastern Orthodox Churches) tách khỏi Giáo Hội Công Giáo La Mã (Tây Phương)

Tuy nhiên, hiện nay Thượng Phụ (Patriarch) Giáo Hội Chính Thống Thổ Nhĩ Kỳ ở Istanbul được coi là Thượng Phụ Đại Kết (Ecumenical Patriarch) của các Giáo Hội Chính Thống Đông Phương. Cách nay 6 năm Đức Thánh Cha Bê-nê-đictô XVI (đã về hưu năm 2012) đã sang thăm Đức Thượng Phụ Giáo Chủ Chính Thống Thổ để tỏ thiện chí muốn đối thoại, đưa đến hiệp thông giữa hai Giáo Hội anh em. Riêng Giáo Hội Chính Thống Nga, cho đến nay, vẫn chưa tỏ thiện chí muốn xích gần lại với Giáo Hội Công Giáo La Mã, vì họ cho rằng Công Giáo muốn "lôi kéo" tín đồ Chính Thống Nga vào Công Giáo sau khi chế độ cộng sản ở Nga tan rã, tạo điều kiện thuận lợi cho Giáo Hội Chính Thống Nga hành Đạo. Dầu vậy, một biến cố mới xảy

ra trong năm qua (2016) là Đức Thánh Cha Phanxicô đã gặp Thượng Phụ Giáo Hội Chính Thống Nga tại MỄ TÂY CÔ (Mexico), nhưng kết quả của cuộc gặp gỡ lịch sử này giữa hai vị lãnh đạo Công Giáo và Chính Thống Nga không được công bố sau đó. Nhưng đây là một dấu chỉ tích cực giữa hai Giáo Hội anh em muốn hiệp nhất với nhau trong cùng một niềm tin vào Chúa Kitô.

Trước khi xảy ra cuộc ly giáo năm 1054, hai Nhánh Kitô giáo lớn ở Đông và Tây phương (The Greek Church and the Holy See=Rome) nói trên vẫn hiệp thông trọn vẹn với nhau về mọi phương diện vì cả hai Giáo Hội anh em này đều là kết quả truyền giáo ban đầu của các Thánh Tông Đồ Phêrô và Anrê. Lịch sử truyền giáo cho biết là Thánh Phêrô đã rao giảng Tin mừng ở vùng đất nay là lãnh địa của Giáo Hội Công Giáo La Mã (Roma) trong khi em ngài, Thánh Anrê (Andrew) sang phía Đông để rao giảng trước hết ở Hy Lạp và sau đó phần đất nay là Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey). Như thế, cả hai Giáo Hội Kitô Giáo Đông Phương Constantinople và Tây Phương Rôma đều có nguồn gốc Tông đồ thuần túy (Apostolic succession).

Sau đây là những điểm gây bất đồng khiến đi đến ly giáo (schism) Đông Tây năm 1054.

1- về tín lý, Giáo Hội Chính Thống Đông Phương- tiêu biểu ban đầu là Giáo Hội Hy Lạp ở Constantinople- đã bất đồng với Giáo Hội Công Giáo La Mã về từ ngữ “ **Filioque**” (và **Con**) thêm vào trong Kinh Tin Kính Nicêa tuyên xưng “**Chúa Thánh Thần bởi Chúa Cha, và Chúa Con mà ra**”.

Giáo Hội Chính Thống Đông Phương cũng không công nhận các tín điều về Đức Mẹ Vô Nhiễm Thai (Immaculate Conception) và Lên Trời cả hồn xác (Assumption) mặc dù họ vẫn tôn kính Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa (**Theotokos**). Sở dĩ thế, vì họ không công nhận vai trò lãnh đạo Giáo Hội của Đức Giáo Hoàng, nên đã bác bỏ mọi tín điều được các Đức Giáo Hoàng công bố với ơn bất khả ngộ (Infallibility) mà Công Đồng Vaticanô I (1870) đã nhìn nhận.

Chính vì họ không công nhận quyền và vai trò lãnh đạo Giáo Hội hoàn vũ của Đức Giáo Hoàng Rôma, nên đây là trở ngại lớn nhất cho sự hiệp nhất (unity) giữa hai Giáo Hội Chính Thống và Công Giáo cho đến nay, mặc dù hai bên đã tha vạ tuyệt thông cho nhau sau cuộc gặp gỡ lịch sử năm 1966 giữa Đức Thánh Cha Phaolô VI và Đức Thượng Phụ Giáo Chủ Constantinople khi đó là Athenagoras I.

Giáo Hội Chính Thống có đủ bảy bí tích hữu hiệu như Công Giáo. Tuy nhiên, với bí tích rửa tội thì họ dùng nghi thức chìm xuống nước (immersion) 3 lần để nhấn mạnh ý nghĩa tái sinh vào đời sống mới, trong khi Giáo Hội Công Giáo chỉ dùng nước đổ trên đầu hay trán của người được rửa tội để vừa chỉ sự tẩy sạch tội nguyên tổ và các tội cá nhân (đối với người tân tòng) và tái sinh vào sự sống mới, mặc lấy Chúa Kitô.

Chính vì Giáo Hội Chính Thống có đủ các bí tích hữu hiệu như Công Giáo, nên giáo dân Công Giáo được phép tham dự Thánh lễ và lãnh các bí tích hòa giải và sức dầu của Chính Thống nếu không tìm được nhà thờ Công Giáo hay linh mục Công giáo khi cần..

2-Về phụng vụ, Giáo Hội Chính Thống dùng bánh có men (leavened bread) và ngôn ngữ Hy Lạp khi cử hành phụng vụ trong khi Giáo Hội Công Giáo dùng bánh không men (unleavened bread) và tiếng Latinh trong phụng vụ thánh trước Công Đồng Vaticanô II, và nay là các ngôn ngữ của mọi tín hữu thuộc mọi nền văn hóa, chủng tộc khác nhau, trong đó có tiếng Việt Nam.

3-Sau hết, về mặt kỷ luật giáo sĩ: các Giáo Hội Chính Thống cho phép các phó tế và linh mục được kết hôn trừ Giám mục, trong khi kỷ luật độc thân (celibacy) lại được áp dụng cho mọi cấp bậc trong hàng giáo sĩ và tu sĩ Công Giáo, trừ phó tế vĩnh viễn (permanent deacons).

Đó là những khác biệt căn bản giữa Giáo Hội Chính Thống Đông Phương và Giáo Hội Công Giáo La Mã cho đến nay.

Tuy nhiên, dù có những khác biệt và khó khăn trên đây, Giáo hội Công Giáo và Giáo Hội Chính Thống Đông Phương đều rất gần nhau về nguồn gốc tông đồ và về nền tảng đức tin, giáo lý, bí tích và Kinh thánh. Vì thế, giáo lý của Giáo Hội Công Giáo đã dạy rằng: **“Đối với các Giáo Hội Chính thống, sự hiệp thông này sâu xa đến nỗi “chỉ còn thiếu một chút là đạt được mức đầy đủ để có thể cho phép cử hành chung phép Thánh Thể của Chúa Kitô”** (x.SGLGHCG, số 838).

Vì Chính Thống Giáo có đủ bảy bí tích hữu hiệu, nên giáo dân Công Giáo được phép tham dự Thánh Lễ và lãnh các bí tích hòa giải và sức dầu ở nhà thờ và các linh mục Chính Thống, nếu không tìm được nhà thờ và linh mục Công Giáo nơi mình cư ngụ.

II- Tin lành (Protestantism)Anh Giáo (Anglican Communion) và những khác biệt với Công Giáo.

Như đã nói trong bài trước, Tin lành, nói chung, là Nhánh Kitô Giáo đã tách ra khỏi Giáo Hội Công Giáo sau những cuộc cải cách tôn giáo do Martin Luther, một linh mục Dòng thánh Augustinô, chủ xướng vào năm 1517 tại Đức và lan sang Pháp với John Calvin và Thụy sĩ với Ulrich Zwingli và các nước Bắc Âu sau đó. Hiện nay có hàng chục ngàn giáo phái này ở Mỹ, hoạt động với nhiều danh xưng khác nhau, nhưng cùng ít nhiều có liên hệ đến nguồn gốc thế phản (protestantism) nói trên. Một đặc điểm của các giáo phái Tin Lành là họ không có hệ thống giáo quyền (Hierachy) chung như Giáo Hội Công Giáo có hàng giáo phẩm tối cao từ trung ương Roma cho đến các giáo hội địa phương ở mỗi quốc gia. Các nhánh Tin Lành hầu như độc lập với nhau về quyền bính, nhân sự, tài chính và phương thức hành đạo.

1-Ở góc độ thần học,

Những người chủ trương cải cách (reformations) trên đã hoàn toàn bác bỏ mọi nền tảng thần học về bí tích và cơ cấu tổ chức giáo quyền (Hierachy) của Giáo Hội Công Giáo. Họ chống lại vai trò trung gian của Giáo Hội trong việc hòa giải con người với Thiên Chúa qua bí tích tha tội hay hòa giải (reconciliation) vì họ không nhìn nhận bí tích truyền chức thánh (Holy Orders) qua đó Giám mục, Linh mục được truyền chức thánh và có quyền tha tội nhân danh Chúa Kitô (in persona Christi) cũng như thi hành mọi sứ vụ (ministry) thiêng liêng khác. (rửa tội, thêm sức, thánh thể, Xức dầu thánh, chứng hôn).

Điểm căn bản trong nền thần học của Tin Lành là con người đã bị tội tổ tông phá hủy mọi khả năng hành thiện rồi (làm việc lành), nên mọi nỗ lực cá nhân để được cứu rỗi đều vô ích và vô giá trị. Do đó, chỉ cần tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô dựa trên Kinh Thánh là được cứu rỗi mà thôi. (Sola fide, sola scriptura).

Ngược lại, Giáo Hội Công Giáo tin rằng con người vẫn có trách nhiệm cộng tác với ơn Chúa để được cứu rỗi. Nói khác đi, muốn được cứu độ, con người phải cậy nhờ trước hết vào lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa và công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Kitô, nhưng cũng phải có thiện chí cộng tác với ơn thánh để sống và thực thi những cam kết khi được rửa tội. Nếu không, Chúa không thể cứu ai được như Chúa Giêsu đã nói rõ:

“không phải bất cứ ai thưa với Thầy: lạy Chúa, lạy Chúa là được vào Nước Trời cả đâu! Nhưng chỉ có ai thi hành ý muốn của Cha Thầy là Đấng ngự trên trời, mới được vào mà thôi.” (Mt 7:21).

Nói khác đi, không phải rửa tội xong, rồi cứ hát **Alleluia** và kêu danh Chúa Kitô là được cứu độ. Điều quan trọng hơn nữa là phải sống theo đường lối của Chúa, nghĩa là thực thi những cam kết khi được rửa tội: đó là mến Chúa, yêu người và xa lánh tội lỗi. Nếu không, rửa tội và kêu danh Chúa thôi vẫn ra vô ích.

Anh em tin lành không chia sẻ quan điểm thần học này, nên họ chỉ chú trọng vào việc đọc và giảng Kinh Thánh nhưng không nhấn mạnh đến phần đóng góp của con người như Chúa Giêsu đòi hỏi trên đây. Ngoài phép rửa và Kinh Thánh, họ không tin và công nhận một bí tích nào khác. Điển hình

Là bí tích hòa giải mà các giám mục và linh mục Công Giáo được phép tha tội cho các hối nhân nhân danh Chúa Kitô (in persona Christi).

Lại nữa, vì không công nhận phép Thánh Thể, nên họ không tin Chúa Giêsu thực sự hiện diện trong hình bánh và rượu, mặc dù một số Giáo phái Tin lành có nghi thức bẻ bánh và uống rượu nho khi họ tụ họp để nghe giảng kinh thánh.. Nhưng đó không phải là cử hành Bí Tích Thánh Thể (Eucharist) như trong Giáo Hội Công Giáo và Chính Thống Giáo Đông Phương.. Sứ vụ quan trọng của họ chỉ là giảng kinh thánh vì họ chỉ tin có Kinh Thánh (Sola Scriptura) mà thôi.

2- Nhưng Kinh Thánh được cắt nghĩa theo cách hiểu riêng của họ, nên có rất nhiều mâu thuẫn hay trái ngược với cách hiểu và cắt nghĩa của Giáo Hội Công Giáo.

Thí dụ, câu Phúc Âm trong Matthêu 22 : 8-9 trong đó Chúa Giêsu dạy các tông đồ “ **không được gọi Ai dưới đất là Cha, là Thầy** .”. anh em Tin Lành hiểu lời Chúa trong ngữ cảnh (context) câu trên hoàn toàn theo nghĩa đen (literal meaning) nên đã chỉ trích Giáo Hội Công Giáo là ‘lạc giáo=heretical’ vì đã cho gọi Linh mục là “ Cha” (Father, Père, Padre)!

Thật ra, Giáo Hội cho phép gọi như vậy, vì căn cứ vào giáo lý của Thánh Phaolô, và dựa vào giáo lý này, Công Đồng Vaticanô II trong Hiến Chế Tín lý Lumen Gentium đã dạy rằng; “ **Linh mục phải chăm sóc giáo dân như những người cha trong Chúa Kitô vì đã sinh ra họ cách thiêng liêng nhờ phép rửa và giáo huấn.**” (1 Cor 4: 15; LG. số 28).

Một điểm sai lầm nữa trong cách đọc và hiểu kinh thánh của Tin lành là câu Phúc Âm Thánh Marcô kể lại một ngày kia Chúa Giêsu đang giảng dạy cho một đám đông người thì Đức Mẹ và các môn đệ

của Chúa đến. Có người trong đám đông đã nói với Chúa rằng: “**Thưa Thầy có mẹ và anh em, chị em của Thầy ở ngoài kia đang tìm Thầy.**” (Mc 3:32). Anh em tin lành đã căn cứ vào câu này để phủ nhận niềm tin Đức Mẹ trọn đời đồng trinh của Công Giáo và Chính thống, vì họ cho rằng Mẹ Maria đã sinh thêm con cái sau khi sinh Chúa Giêsu. Nghĩa là họ chỉ tin Đức Mẹ đồng trinh cho đến khi sinh Chúa Giêsu mà thôi. Thật ra cụm từ “anh chị em” trong ngữ cảnh (context) trên đây chỉ là anh chị em theo nghĩa thiêng liêng (spiritual brotherhood, sisterhood) và đây là cách hiểu và giải thích Kinh Thánh của Công Giáo và Chính Thống, khác với Tin lành và Anh giáo.

Sau hết, về mặt quyền bính, các giáo phái Tin lành và Anh giáo đều không công nhận Đức Giáo Hoàng là Đại Diện (Vicar) duy nhất của Chúa Kitô trong sứ mạng chăn dắt đoàn chiên của Người trên trần thế.

Chính vì không công nhận Đức Giáo Hoàng là Thủ Lãnh Giáo Hội duy nhất của Chúa Kitô nên đây là trở ngại lớn cho các nhánh Tin Lành và Anh giáo muốn hiệp nhất với Giáo Hội Công Giáo.

3- về bí tích:

Tất cả các nhóm Tin Lành và Anh Giáo đều không có các bí tích quan trọng như Thêm sức, Thánh Thể, Hòa giải, Sức Dầu bệnh nhân và Truyền Chức Thánh vì họ không có nguồn gốc Tông Đồ (Apostolic succession)- và quan trọng hơn nữa, người sáng lập của họ là người thường dân (Martin Luther, John Calvin..Henry VIII) chứ không phải là chính Chúa Giêsu-Kitô, Đấng đã lập Giáo Hội của Chúa trên **Đá Tảng Phêrô.**(Mt 16: 18-19) và “ **Giáo Hội này tồn tại trong Giáo Hội Công Giáo do Đấng kế vị Phêrô và các Giám mục hiệp thông với Ngài điều khiển**” như Thánh Công Đồng Vaticanô II đã tuyên bố. (x. LG. số 8). Cho nên các nhánh Tin Lành và Anh giáo đều không có chức linh mục và giám mục hữu hiệu để cử hành các bí tích trên.

Đa số các nhóm Tin Lành và Anh Giáo chỉ có phép rửa (Baptism) mà thôi. Nhưng nếu nhóm nào không rửa tội với nước và công thức Chúa Ba Ngôi (The Trinitarian Formula) như nhóm Bahai Hullah và Marmonites ở Mỹ , thì không thành sự (invalidly) . Do đó, khi gia nhập Giáo Hội Công Giáo, tín hữu Tin Lành nào không được rửa tội với nước và công thức trên thì phải được rửa tội lại như người dự tòng.(catechumens). Nếu họ được rửa tội thành sự thì chỉ phải tuyên xưng đức tin khi gia nhập Công Giáo mà thôi

III-Anh Giáo (Anglican Communion)

Nhóm Kitô Giáo này do Vua Henry VIII của Nước Anh tự tách ra khỏi hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo Roma từ năm 1534 vì nhà vua bất mãn với Đức Thánh Cha Clemente VII, đã không cho phép ông li dị để lấy vợ khác.Nhóm này khác biệt với Giáo Hội Anh Quốc (The Church of England) Là Giáo Hội hiệp thông và vâng phục Giáo Hội Công Giáo Roma do Đức Thánh Cha làm Thủ Lãnh với sự hiệp thông và vâng phục trọn vẹn của các Giáo Hội Công Giáo địa phương ở khắp nơi trên thế giới.Người lãnh đạo Nhóm Anh Giáo nói trên là Vua Nước Anh (nay là Nữ Hoàng Elizabeth II).Vì không có nguồn gốc Tông Đồ, nên Anh Giáo không có các Bí Tích hữu hiệu như Công Giáo, trừ Phép Rửa mà Anh Giáo có chung với các nhóm Tin Lành và với Công Giáo.Vì không có các Bí Tích Thánh Thể và Hòa Giải hữu hiệu nên các linh mục Anh Giáo không thể cử hành Thánh Lễ Tạ Ơn (The Eucharist) hữu hiệu như Công Giáo được. Cho nên, các tín hữu Công Giáo không được tham dự Lễ của các linh mục Anh Giáo để thay cho lễ của Công Giáo, cũng như không thể đi xưng tội với các linh mục Anh Giáo vì họ không có Bí Tích hòa giải (Reconciliation) hữu hiệu như Công Giáo.Sau hết, nếu các linh mục và giám mục Anh Giáo trở lại Công Giáo thì họ phải được huấn luyện lại và chịu chức lại trong Giáo Hội Công Giáo, vì Công Giáo không nhìn nhận các bí tích của Anh giáo trừ Phép Rửa.Chỉ có một đặc ân cho các linh mục Anh Giáo là họ được phép giữ vợ con sau khi được chịu chức linh mục trong Giáo Hội Công Giáo.Các tín hữu Anh Giáo thì phải tuyên xưng đức tin khi họ gia nhập Giáo Hội Công Giáo.Họ không cần được rửa tội lại vì Công Giáo nhìn nhận Phép Rửa của Anh Giáo.Chỉ có những ai không được rửa tội với nước và công thức Chúa Ba Ngôi (Trinitarian Formula) như nhóm Bahai Hullah và Marmonites bên Mỹ thì mới phải được rửa tội lại khi họ gia nhập Giáo Hội Công Giáo mà thôi.

Đó là những khác biệt căn bản giữa Công Giáo,Chính Thống Giáo, Tin Lành và Anh Giáo nói chung. Tuy nhiên, Giáo Hội Công Giáo vẫn hướng về các anh em ly khai này và mong ước đạt được sự hiệp nhất với họ qua nỗ lực đại kết (ecumenism) mà Giáo hội đã theo đuổi và cầu nguyện trong nhiều năm qua.

Chúng ta tiếp tục cầu xin cho mục đích hiệp nhất này giữa những người có chung niềm tin vào Chúa Kitô nhưng chưa hiệp thông (communion) và hiệp nhất (unity) với Giáo Hội Công Giáo, là Giáo Hội duy nhất Chúa Giêsu đã thiết lập trên nền tảng Tông đồ Phêrô, do Đức Thánh Cha, cũng là Giám Mục Roma, người kế vị Thánh Phêrô trong trách nhiệm coi sóc và

lãnh đạo Giáo Hội với sự cộng tác và vâng phục trọn vẹn của Giám Mục Đoàn. (College of Bishops) hay của các Giáo Hội Công Giáo địa phương ở các quốc gia trên thế giới.

Ước mong những giải đáp trên thỏa mãn câu hỏi đặt ra.

Lm. Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn

VỀ MỤC LỤC

SỐNG CHÂN THẬT VÀ ĐỪNG LÀM GƯƠNG XẤU SỐNG HAI MẶT

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy, PSS.



ĐỐI MẶT VỚI BỐI CẢNH ĐÀO TẠO HÔM NAY: CUỘC KHỦNG HOẢNG TÌNH CẢM VÀ TÍNH DỤC TRONG GIÁO HỘI

BỐN

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA NHÀ ĐÀO TẠO

tiếp theo

IV. SỐNG CHÂN THẬT VÀ ĐỪNG LÀM GƯƠNG XẤU SỐNG HAI MẶT

Thánh Giáo Hoàng Phaolô VI đã diễn tả một cách sắc bén trong *Tông huấn Loan Báo Tin Mừng* như sau: “*Con người thời nay thích lắng nghe các chứng nhân hơn là nghe những thầy dạy, và nếu họ lắng nghe những thầy dạy thì bởi vì những thầy dạy*

ấy là các chứng nhân.”¹ Bộ Giáo dục Công giáo cũng khẳng định: “*Nhà giáo dục sống đời sống đức tin sống động sẽ dạy bằng chính con người mình nhiều hơn là bằng những gì mình nói.*” Quả đúng như Ca dao Việt Nam chúng ta dạy: “*Lời nói lung lay, gương lành lôi kéo.*”

Trong cuộc gặp gỡ các chủng sinh và tập sinh, khi nói về tính chân thật, ĐTC Phanxicô nhìn các nhà đào tạo và nói: “*Trước tiên đây là một trách nhiệm của người lớn, của các nhà đào tạo. Chính các bạn, những nhà đào tạo đang hiện diện nơi đây, phải nêu gương về sự chân thực cho người trẻ. Chúng ta muốn có những người trẻ chân thực không? Chúng ta hãy trở nên chân thực! Bằng không, Chúa sẽ nói với chúng ta điều Người đã nói cho Dân Chúa về những người Pharisiêu: “Những gì họ nói, anh em hãy làm, hãy giữ, còn những việc họ làm thì đừng làm theo”².*

Tông huấn Niềm Vui Tin Mừng thêm: “*Ngay cả trong thời đại này, người ta thích nghe*

1 Paul VI, Tông huấn Loan Báo Tin Mừng, ban hành ngày 8/12/1995, số 41.

2 Trích diễn từ của ĐTC Phanxicô với các chủng sinh và tập sinh ngày 6/7/2013 - <http://www.vietcatholic.net/News/Html/113268.htm>

các nhân chứng: họ “khao khát sự xác thực ... và đòi phải nói về một Thiên Chúa mà chính mình biết và quen thuộc với, như thể thấy Đấng vô hình”³.

Trong buổi Kinh Truyền Tin trưa Chúa Nhật 5-11-2017, ĐTC Phanxicô nói: “Một khuyết điểm thông thường của những người có quyền bính, quyền bính dân sự cũng như quyền bính tôn giáo, là đòi hỏi nơi những người khác các điều, cả các điều đúng đắn, nhưng họ lại là những người đầu tiên không thực hành chúng. Họ có cuộc sống hai mặt. Chúa Giêsu nói: “Họ bó những gánh nặng mà chất lên vai người ta, nhưng chính họ thì lại không buồn động ngón tay vào (Mt 23,4)”. Thái độ này là một việc thực thi xấu quyền bính, đáng lý ra phải có được sức mạnh đầu tiên của nó trong việc nêu gương tốt. Quyền bính nảy sinh từ gương tốt, để giúp các người khác thi hành điều đúng đắn và phải làm, bằng cách yểm trợ họ trong các thử thách gặp phải trên con đường sự thiện. Quyền bính là một trợ giúp, nhưng nếu thực thi xấu, thì nó trở thành áp bức, không để cho con người lớn lên và tạo ra một bầu khí không tin tưởng và thù nghịch, và đưa tới cả sự thối nát nữa. Đó là thái độ chỉ sống bề ngoài”.

ĐTC nói tiếp: “Là các môn đệ của Chúa Giêsu chúng ta không được tìm kiếm các tước hiệu danh dự, quyền bính hay sự tối cao. Tôi nói với anh em rằng riêng cá nhân tôi, tôi rất đau lòng khi thấy những người có tâm lý chạy theo các danh dự hư không. Chúng ta là các môn đệ của Chúa Giêsu, chúng ta không được làm điều này, bởi vì giữa chúng ta phải có một thái độ đơn sơ và huynh đệ. Chúng ta tất cả là anh chị em và chúng ta không được chèn ép các người khác và nhìn họ từ trên cao xuống. Không, chúng ta tất cả là anh chị em với nhau. Nếu chúng ta đã nhận được các phẩm tính từ Cha trên trời, chúng ta phải dùng chúng để phục vụ các anh chị em khác, và không lợi dụng chúng cho sự thoả mãn của chúng ta và lợi lộc cá nhân. Chúng ta không được coi mình cao hơn người khác, lòng khiêm tốn là điều nòng cốt cho một cuộc sống muốn phù hợp với giáo huấn của Chúa Giêsu, là Đấng dịu hiền và khiêm nhường trong lòng, và đã đến không phải để được phục vụ, mà là để phục vụ”⁴.

V. PHẢI LƯU Ý ĐẶC BIỆT GIAI ĐOẠN TIỀN TẬP VÀ TẬP VIỆN

Bề trên các cấp và các nhà đào tạo phải theo mẫu gương của Chúa Giêsu. Ngài đã sống với các môn đệ liên tục không gián đoạn trong ba năm cuộc đời công khai cho đến khi chết trên thập giá. Ngài đã đồng hành cùng họ với tình yêu bao dung, nhẫn nại và săn sóc ân cần để họ được lớn lên trong đức tin và trưởng thành thiêng liêng lẫn nhân bản. Ngài biết rõ mỗi người, những cá tính, những điểm mạnh và những điểm yếu của họ. Ngài nhẫn nhục chịu đựng những khuyết điểm, những bất toàn, những tham vọng trần tục, những bướng bỉnh, thiếu lòng tin và chậm hiểu của họ về các mầu nhiệm Nước Trời; và Ngài kiên trì chờ đợi Thánh Thần đến kiện toàn công cuộc đào tạo họ: “Thầy còn nhiều điều để nói với anh em, nhưng bây giờ anh em không thể hiểu. Khi Thần Chân Lý đến, Người sẽ hướng dẫn anh em biết tất cả sự thật”⁵. Chúa Giêsu cũng hằng cầu xin Chúa Cha giữ gìn bảo vệ các môn đệ: “Con không xin Cha cất họ ra khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ họ khỏi tay ác thần”⁶.

Các giai đoạn đào tạo tuy khác nhau nhưng phải có sự liên tục tiệm tiến và tổng thể, ăn khớp mắt xích với nhau trong chiều hướng canh tân tìm kiếm một phương thức thể hiện mới để Hội Dòng hiện diện hữu hiệu trong hoạt động dưỡng giáo lẫn truyền giáo của Giáo Hội. Phương thức này đòi hỏi canh tân các giá trị, các tâm thức, các quan điểm, các mối quan hệ, cách suy nghĩ và hành động, lối sống và cách thi hành sứ vụ, nghĩa là một cuộc canh tân sâu sắc và toàn diện.

3 Tông huấn Niềm Vui Tin Mừng số 150.

4 http://vi.radiovaticana.va/news/2017/11/05/đừng_làm_gương_xấu_sống_hai_mặt/1347098

5 Ga 16,12-13.

6 Ga 17,15.

Công cuộc đào tạo này là trách nhiệm của mọi thành phần trong Hội Dòng, và được Hội Dòng ủy thác cách riêng cho các nhà đào tạo, từ giai đoạn đào tạo khởi đầu Đệ Tử, Nhà Thử, Nhà Tập mà cao điểm là việc tuyên khấn lần đầu, qua giai đoạn đào tạo chuyên sâu và đầy đủ Học viện được kết thúc với việc tuyên khấn trọn đời, đến giai đoạn đào tạo thường xuyên diễn ra trong suốt cả cuộc đời mỗi tu sĩ, với những hình thức rất đa dạng và thích hợp cho từng hoàn cảnh và độ tuổi, phản ánh nổi bật đặc sủng và linh đạo của Hội Dòng thể hiện trong Hiến Chương, Nội Quy và Luật Sống.

Việc đào tạo ngày nay được thực hiện với nhiều người và cho nhiều người, nhưng phải chú trọng đến sự hợp tác của từng cá nhân, với từng hoàn cảnh cá biệt, nghĩa là phải được *bổ cá nhân hóa, cá nhân hóa và nội tâm hóa*, tức vừa được đào tạo vừa tự đào tạo, trong một tổng thể liên tục xuyên suốt qua các giai đoạn đào tạo và tự đào tạo, thích ứng với các thực tại của thời đại.

1) Giai Đoạn Tiền Tập Viện

Thời kỳ đi trước và chuẩn bị giai đoạn Tập Viện là Tiền Tập Viện, cũng gọi là Nhà Thử, giai đoạn thử thách nhằm tìm bảo đảm rằng ứng sinh đã đạt tới sự trưởng thành khả dĩ về nhân bản và kitô giáo, chứng tỏ có khả năng đảm đương dần dần tất cả những đòi buộc của đời sống thánh hiến. Việc đào tạo ở Nhà Tập tùy thuộc vào phẩm chất của các ứng sinh đã được nhận vào sau thời gian thử thách này.

Thời kỳ này giúp ứng sinh nghiêm chỉnh khám phá ơn gọi đời sống thánh hiến đã bắt đầu của mình và thực hiện cuộc điều chỉnh tiệm tiến về mặt nhân bản, thiêng liêng cũng như tâm lý để chuẩn bị một sự cắt đứt cần thiết nào đó với môi trường xã hội, cũng như các mối tương quan khác phái không thích hợp của mình (*dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng*), ngõ hầu tham gia trọn vẹn tiến trình đào tạo và tự đào tạo. Bộ Tu Sĩ nhận định: *“Hầu hết những khó khăn gặp phải ngày nay trong việc đào tạo các Tập Sinh thường do sự kiện khi họ được nhận vào Nhà Tập thì họ chưa có được sự trưởng thành đòi buộc”*⁷. Tuy vậy, không được đòi hỏi một ứng sinh vào đời sống thánh hiến phải có ngay lập tức khả năng đảm trách tất cả mọi bó buộc của đời sống thánh hiến, mà là có khả năng làm việc ấy cách tăng tiến dần dần.

Xác định và đánh giá ứng sinh để thâm nhận vào Nhà Tập là mục đích của giai đoạn này. Việc này có thể tóm tắt trong bốn động từ: xác minh, làm sáng tỏ, không rút ngắn vô lý, không kéo dài quá mức: *“Phải làm thế nào để thời gian này xác minh và làm sáng tỏ một số điểm giúp các Bề Trên định đoạt về sự thích hợp và thời điểm để thâm nhận vào Nhà Tập. Không nên rút ngắn hoặc kéo dài vô lý giai đoạn này, miễn làm sao có được một phán đoán chắc chắn về tư cách xứng đáng của ứng sinh”*⁸.

Những điểm lợi ích đặc biệt của việc phân định cần được thẩm tra nơi các ứng sinh vào đời sống thánh hiến là:

- Trình độ trưởng thành về nhân bản và kitô;
- Trình độ văn hóa phổ thông cơ bản;
- Sự quân bình tình cảm và giới tính, bao hàm việc chấp nhận sự khác biệt của tha nhân và tôn trọng quyền bảo vệ bí mật của họ;
- Và khả năng sống cộng đoàn.

Điều đó nói rõ rằng các thỉnh sinh chưa phải là những thành viên đầy đủ của Dòng. Một sự kết nạp tiệm tiến được bảo đảm qua cuộc sống và công việc, đến כדי họ được coi là “lực lượng lao động chính” của Hội Dòng. Tuy nhiên, cần được thấu hiểu và phân bố theo sức khỏe và hoàn cảnh cá nhân từng em, nhớ rằng con người đang được đồng hành đào tạo thì quan trọng hơn các động

7 Những chi dẫn về đào tạo trong các Dòng tu, số 42.

8 X. Những chi dẫn về đào tạo trong các Dòng Tu, số 43.

lực hay cơ cấu tiếp nhận⁹. Trong giai đoạn này cũng nên lưu ý chữa lành về *những gặp gỡ tình cảm và tình yêu gặp phải trước khi vào Dòng*.

2) Giai Đoạn Tập Viện

Giai đoạn Tập viện là thời kỳ của việc kết nạp toàn diện; là một thời gian đặc ân để cầu nguyện và chiêm niệm hầu biện phân ơn gọi đích thực vào đời sống thánh hiến¹⁰. Việc trau dồi các giá trị và hòa nhập thực tại được kêu gọi và đáp trả qua cầu nguyện, suy nghĩ, học hỏi, đặc biệt về đặc sủng và linh đạo Dòng, biết mở lòng ra và phục vụ lẫn nhau.

Mục đích của tập sinh được mô tả bởi GL 646 trong 4 động từ *nhận biết, kinh nghiệm, được đào tạo và được thử thách*¹¹:

- Tập sinh phải nhận biết tốt hơn ơn gọi của Chúa, phù hợp với Dòng mình;
- Tập sinh phải được đào tạo trí óc và con tim theo tinh thần Dòng qua việc đào sâu và sống đặc sủng và linh đạo của Dòng;
- Tập sinh phải kinh nghiệm lối sống của Dòng bằng việc học hỏi và thực hành Hiến Chương, Nội Quy và Luật Sống của Dòng;
- Các động lực (THÍCH) của Tập sinh (phương diện chủ quan) được các nhà đào tạo nhận định, đánh giá (phương diện khách quan) phải được thử thách, kiểm chứng (HỢP).

Việc khai tâm để kết nạp quan trọng hơn nhiều việc dạy dỗ đơn thuần. Nó dần dần dẫn dắt tập sinh đi vào những thành phần khác nhau cấu tạo nên đặc sủng đời sống thánh hiến¹²:

- Khai tâm vào một sự hiểu biết sâu xa và sống động về Chúa Kitô và Cha Ngài (qua Thánh Kinh, Phụng vụ, Cầu nguyện cá nhân và Lectio Divina);
- Khai tâm vào Mầu nhiệm Phục sinh (các lời khuyên Phúc Âm, sự khổ chế vui tươi, chấp nhận can đảm mầu nhiệm thập giá);
- Khai tâm vào đời sống huynh đệ Phúc Âm;
- Khai tâm vào lịch sử, sứ mệnh, đặc sủng và linh đạo của Dòng.

Mấy điều kiện tập sinh phải thực hiện¹³:

- Tính mềm dẻo và thận trọng;
- Một khung cảnh riêng và bầu khí thanh bình để có thể cắm rễ sâu vào cuộc sống với Chúa Kitô;
- Sự cắt đứt và tước bỏ chính mình (một điều kiện cần thiết cho những chọn lựa mới có ý nghĩa); từ giai đoạn này cũng nên lưu ý chữa lành về *những gặp gỡ tình cảm và tình yêu trong giai đoạn đã vào Dòng*;
- Lòng ghép tập sinh vào các cộng đoàn mục vụ giáo xứ là tuyệt đối không nên¹⁴;
- Trong thời gian tập viện, đời sống thiêng liêng phải được ưu tiên trở vượt hơn đời sống tông đồ.

Cha/Thầy/Chị Giáo Tập¹⁵ là người trách nhiệm chính chăm sóc các tập sinh, nhưng ở dưới quyền của Bề Trên Thượng cấp¹⁶. Để chu toàn cách thích hợp sứ vụ đào tạo của mình: Tập Sư phải được tự do khỏi mọi bó buộc khác có thể cản trở việc chu toàn trách nhiệm của mình là luôn hiện diện trọn thời gian với tập sinh; các cộng tác viên phải lệ thuộc tập sư, nhưng họ cũng có một vai trò quan trọng trong việc biện phân và quyết định liên quan đến tập sinh.

9 Những chỉ dẫn về đào tạo trong các Dòng tu, số 44.

10 x. GL 652,5.

11 Những chỉ dẫn về đào tạo trong các Dòng tu, số 45.

12 X. Những chỉ dẫn về đào tạo trong các Dòng tu, số 46-47.

13 Sđđ., số 49-50.

14 Xem GL 647-649.

15 X. Những chỉ dẫn về đào tạo trong các Dòng tu, số 51.

16 x. GL 650.

Tập sự là người đồng hành của mỗi người và tất cả các tập sinh: tập sinh là nơi chốn thừa tác vụ trọn thời gian của tập sự. Tập sự trong các Dòng giáo sĩ thường không cho các tập sinh xưng tội để bảo đảm đặc tính riêng biệt của Tòa Trong, trừ khi gặp hoàn cảnh phải thu xếp như vậy. Kết thúc giai đoạn này là việc tuyên khấn lần đầu.

[còn tiếp](#)

VỀ MỤC LỤC

CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN DIỆU VỢ CỦA ƠN GỌI...

Chuyện hơi cũ ròi và đã được nhiều người chia sẻ, nhưng không hiểu sao người viết vẫn cứ muốn viết lại và viết thêm... Có lẽ là do sự diệu vợ của Ơn Gọi ấy : diệu vợ ở Tình Yêu của Chúa và diệu vợ ở sự đáp trả của con người – dĩ nhiên là “con người ấy”... và tất cả những con người có trái tim mềm... nhiều khát vọng...

Đây là câu chuyện của Nữ Tu Anna Nobili – Dòng Chị Em Công Nhân của Thánh Gia Nazareth với linh đạo : phục vụ - ngay cả bằng những công việc tay chân – cho những người kém may mắn, chẳng hạn như các di dân và những cô gái bán thân...

Anna Nobili vốn là một vũ nữ khỏa thân của các hộp đêm thành phố Milan...

Trao đổi với báo Aleteia, chị tâm tình về nguyên nhân đưa chị đến với sinh hoạt của các hộp đêm:

Cha mẹ tôi ly dị năm tôi 13 tuổi...Cha tôi rất hung bạo với mẹ tôi...và cũng vô cùng bạo lực với chúng tôi...Không ai nói với ông về Tình Thương...nên ông không hề biết thế nào là yêu thương đối với vợ và con cái...Tình trạng này làm cho tôi càng lớn lên càng cảm thấy không thể chịu đựng nổi...Lòng tôi trống vắng mọi thứ cảm xúc...và tôi luôn rụt rè...Nỗi hãi sợ làm cho giọng nói của tôi trở nên ngọng nghịu...Ở nhà trường, tôi cũng bị bạn bè loại trừ...Để có thể được chấp nhận, tôi nghĩ là mình phải ăn mặc lập dị...Vậy là tôi bắt mẹ phải mua áo quần đắt tiền và hộp thời trang...Tôi trang điểm và ăn mặc khiêu khích để đám bạn gái phải ghen tức...Tuy nhiên tình trạng càng tệ hơn : tôi cô độc và bị ruồng bỏ...

Báo Aleteia hỏi chị là – trong hoàn cảnh ấy – chị không có được một người bạn trai nào bên cạnh mình sao ? Chị trả lời :

Có chứ, nhưng chúng tôi chỉ ở với nhau ban đêm thôi...Ban ngày...thì ai lo phận nấy...và có vẻ như ban ngày, anh ta không muốn người ta nhìn thấy anh quan tâm đến tôi...Sau này tôi nhận ra là anh không yêu tôi...và tôi vô cùng phẫn nộ...Tôi bắt đầu cuộc sống về đêm của mình: làm việc ở một vài hộp đêm của thành phố Milan...Rượu chảy như suối cùng với khỏa thân...Với công việc này, tôi biết rất nhiều đàn ông và quen hầu hết các tay bảo kê hộp đêm...Tôi có thể vào miễn phí bất cứ đâu. Hai giờ sáng tôi xong việc...và lang thang một vòng các tiệm disco cho đến sáng...

Và chị có thấy hạnh phúc không ?

Tôi sống trong ảo tưởng của hạnh phúc...Tôi không yêu chính mình, nhưng đàn ông thích cơ thể của tôi...Cơ thể và điệu nhảy...là phương tiện để tôi săn đàn ông như săn chiến lợi

phẩm...Càng ngày càng nhiều hơn...và mỗi đêm là một người mới...Tôi còn học nhảy để vào vai trong các vở diễn...và giúp tôi tiếp cận lãnh vực truyền hình...Tôi trở nên người nổi tiếng và đi khắp thế giới...

Thành công như vậy đó, nhưng tôi vẫn cảm thấy trống rỗng...Thành thật mà nói: tôi thấy mình cô độc và...nhờ bản...Cơ thể tôi chưa một lần nhận được chút dịu dàng nào, ngược lại luôn luôn là sự hung bạo và khiêu khích...Tôi mơ một ngày nào đó sẽ gặp một chàng trai chân thực nói yêu tôi, rung động vì tôi...Tôi chưa bao giờ gặp...

Có phải vì thế mà ... chị...quyết định có những thay đổi ?

Tôi không biết...Ma quỷ kiểm soát đời tôi...và tôi phải nghe lời nó...Tôi như một người mù...Nhà tôi, tôi coi như khách sạn...Ngang qua anh chị em mỗi ngày, nhưng không có lấy một lời trao đổi...Trước khi ra khỏi nhà, tôi mất cả giờ đồng hồ để trang điểm...Tôi bết lên mặt cả tấn mỹ phẩm...và không bao giờ thấy hài lòng...Những lần ngồi trước bàn trang điểm, mẹ tôi lân la đến gần và nói với tôi về Chúa Giê-su...Một ngày nọ, quá bức mình, tôi hét lên là tôi không xin để mình được sống...Thế nhưng mẹ vẫn cứ nói với tôi về Chúa và hằng ngày đi dâng lễ chiều để cầu nguyện cho tôi...

Một ngày kia có một bà gọi tên tôi giữa đường...Tôi không biết bà, nhưng có vẻ bà khá rõ về tôi...Chúng tôi bắt đầu nói chuyện và tôi hiểu rằng mẹ đã cho bà một tấm ảnh của tôi...Mẹ đã nói về tôi với tất cả các bà bạn và xin họ cầu nguyện cho tôi...Đấy là một thói quen đẹp của người Ý...Bà bạn này của mẹ đề nghị tôi nên đi tham dự một khóa tĩnh tâm ở Assisi...Tôi đồng ý...Đến đấy và chỉ một ngày qua thôi...tôi đã thấy mình được sống một điều gì đó tuyệt vời : các bạn trẻ ở đây hát và cầu nguyện...Họ cũng vui chơi nhưng không say sưa...Đối với tôi, đó là một chuyện rất mới và rất đẹp...Tôi giàu, tôi có trong tay bất cứ người đàn ông nào tôi muốn, tôi tổ chức các buổi dạ tiệc địa ngục, nhưng tôi chưa bao giờ biết một bầu khí vui vẻ và trong sáng như thế này...Một vài tháng sau, tôi đi lễ...và tôi nghe linh mục nói: Chúa rất yêu người nào đến đây lần đầu...Tôi có cảm tưởng cha đang nói về tôi...Lời của cha làm tôi xúc động...Có một cái gì đó tan vỡ trong lòng tôi...Tôi mới 22 tuổi đầu...Tôi tiếp tục làm vũ nữ khỏa thân, nhưng vẫn đi lễ mỗi Chúa Nhật...Thường thường tôi đi thẳng đến các hộp đêm – nơi tôi nhảy suốt đêm...Khi ra về, tôi nói với đám bạn đồng nghiệp là tôi sẽ đi lễ vì Chúa thương tôi...Bọn đó xem tôi như một con điên...Còn tôi, tôi thấy mình ở trong hai trạng thái “điên” : điên của đời sống về đêm và điên vì tình yêu Chúa Ki-tô...

Và chị cảm thấy khó chọn lựa giữa hai tình trạng “điên” này ?

Đúng thế ! Tôi thấy mình đang đưa giữa hai cái “điên” này...cho đến khi cảm nhận sự hiện diện thật sự của Chúa Giê-su...Đó là trong một khóa tĩnh tâm...Trở về, tôi quyết định dành một ngày để nhảy lần cuối...và hôm sau **sẽ thay đổi cuộc sống**...Khi tôi nhảy trong các hộp đêm, mọi người xem tôi như một “con diêm”... Nhưng chính Chúa Giê-su thì lại làm cho tôi nhận ra rằng: thân thể của tôi không phải là cái “thùng rác”, ngược lại tôi thực sự là một viên ngọc quý...Đám đàn ông buông lời khen tặng tôi là nhằm có được thân xác tôi, nhưng tình yêu Đức Giê-su dành cho tôi thì không điều kiện...

Vậy là chị quyết định buông bỏ tất cả để theo Người ?

Tôi cần phải buông bỏ tất cả : hộp đêm – truyền hình : tất cả...Tôi muốn biết Người...Thế nhưng ngay khi nghe tiếng gọi đi tu, tôi hoảng lên...Tôi sợ...Tôi sợ phải chấp nhận cuộc sống này, tôi sợ Chúa sẽ lấy đi mất niềm vui sống, lấy đi hạnh phúc của tôi...Thế nhưng ngày hôm sau, giữa cơn hoảng sợ này, tôi tình cờ gặp được một câu trong một đoạn sách Diễm Ca : “Này em gái của anh, người yêu anh sắp cưới, em là khu vườn cấm, là giòng suối cạnh phòng nghiêm mật, là giếng nước niềm phong” (4 , 12). Đoạn sách thật đẹp này đã mở tâm hồn tôi đến với Người...

Chị có lời khuyên nào dành cho các bạn trẻ cảm thấy mất định hướng, bị cô độc, không có ai hiểu mình, bị gạt ra bên lề như chị trước đây không ?

*Rất nhiều phụ nữ tìm giá trị của mình nơi người đàn ông. Đôi khi sau một quan hệ bất hạnh, họ rơi vào vòng tay của người đầu tiên để cảm thấy mình được xứng đáng, để lấy lại tự tin...Điều này không bao giờ có hiệu quả !!! Chúng ta không thể đi tìm người đàn ông với bất cứ giá nào...**Tốt hơn phải ở một mình một thời gian và nhìn lại đời sống nội tâm của mình...**Không có gì đáng giá hơn là nhìn lại **nét đẹp riêng** của mình, **giấc mơ** của mình – những chuyện không dính gì đến việc đi tìm một người yêu...Khi một người phụ nữ biết tôn trọng chính mình, biết yêu chính mình...Khi họ chăm sóc cho họ và biết giá trị đích thực của mình, thì cuối cùng họ sẽ tìm được người đàn ông thật sự yêu thương và tôn trọng họ. Họ sẽ không còn bị lôi cuốn bởi những người đàn ông muốn lợi dụng họ. Họ sẽ trở nên hấp dẫn với những người đàn ông tha thiết kiếm tìm một phụ nữ xinh đẹp và tự do...*

Thời nào – có lẽ là từ thừa hồng hoang cho đến ngày cùng tận – vâng , thừa nào, thời nào cũng có những Maria Magdala – những Anna Nobili...

Một chuyên gia trong lãnh vực triết học ở Anh và cũng là con người tiên phong trong phong trào tự giúp bản thân – James Allen (1864 – 1912) – có một chia sẻ :

Đừng nán ná trên những tội lỗi và sai lầm của ngày hôm qua đến nỗi bạn không còn năng lượng và tâm lực để sống đúng vào ngày hôm nay, và đừng nghĩ rằng tội lỗi của ngày hôm qua có thể ngăn cản bạn sống trong sạch vào ngày hôm nay.

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

VỀ MỤC LỤC

NHỮNG GIỌT MỒ HÔI

Câu Chuyện Thầy Lang

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Tương truyền rằng Đường Minh Hoàng rất say mê Dương Quý Phi vì sắc đẹp “*hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*” của nàng. Đặc biệt hơn cả là vì nàng tỏa ra một hương thơm qua những giọt mồ hôi từ phần thân mình kín đáo.

Theo các cung nữ, hương thơm này thường là do người đẹp thường thức những trái lê chi trồng ở đất Việt, mà Đầu phu Mai Thúc Loan phải ngày đêm ngàn dặm cùng đoàn tùy tùng mang sang cống hiến.

Đó là huyền thoại bên nước Tàu khi xưa.

Bên Việt Nam ta, cũng có một ái phi triều Nguyễn với những hạt mồ hôi thơm nức. Một thi hữu kể cho hay dòng họ Trần tại làng Tây Mỗ tỉnh Hà Đông có một thiếu nữ được tiến vô cung làm ái phi. Vị cung phi này được quân vương rất sủng ái vì tính tình hiền hậu, đoan trang và nhất là mồ hôi bà có mùi hấp dẫn. Do đó dân chúng địa phương có vần thơ ca tụng rằng:

“*Họ Trần sinh một Đức Bà,*

Mồ hôi thơm ngát, trăm hoa miệng cười”.

Dân gian ta thường nói:

“Quyên quyên ăn trái nhãn lồng,

Thia lia quen chậu, vợ chồng quen hơi”

Bên Tây cũng có câu chuyện tương tự.

Chuyện Đại Tướng Napoleon Bonaparte viết cho người yêu Josephine rằng:”Minh ơi, anh về hôm nay, xin đừng tắm nhé. Nhất là đêm nay”. Thì có lẽ tướng quân ta cảm thấy nhiều hứng tình hơn khi ngủ cái hơi từ người đẹp.

Mà cái hơi này phải chăng cũng từ những giọt mồ hôi của người yêu. Mà khi đã phải hơi nhau thì mùi đó thơm hay không, cũng chẳng quan trọng. Có người ghiền rúc vào nách nhau để hít hà cái mùi nhiều khi khó ngủ của người tình mà đôi bên đã cùng nhau xa vắng lâu ngày.

Khoa học ngày nay nhìn sự đổ mồ hôi dưới góc cạnh thực tế hơn, ích lợi hơn cho sức khỏe. Vì sức khỏe là điều quan tâm lớn của mọi người, mọi sinh vật.

Đó là vai trò *điều hòa thân nhiệt* của sự đổ mồ hôi.

SỰ ĐỔ MỒ HÔI

Đổ mồ hôi là một hiện tượng sinh học tự nhiên và lành mạnh với nhiệm vụ quan trọng là giữ nhiệt độ cơ thể bình thường. Hệ thần kinh giao cảm nằm ở mặt trong của lồng ngực điều khiển sự hoạt động của các tuyến mồ hôi. Khi thần kinh này quá nhạy cảm thì mồ hôi tiết ra nhiều.

Đàn bà có nhiều tuyến mồ hôi hơn đàn ông nhưng các ông lại sản xuất nhiều mồ hôi hơn quý bà vì tuyến của họ hoạt động mạnh hơn.

Ở người khỏe mạnh, mồ hôi thường toát ra khi làm việc lâu và mạnh nhất là trong môi trường không gió hoặc đi bộ giữa trưa hè, thời tiết nóng nực.

Khi nhiệt độ trong cơ thể lên quá 37° C, các mạch máu ngoại vi mở rộng, chứa nhiều máu để đẩy bớt hơi nóng trong người ra ngoài rồi lưu hành trở lại với máu mát hơn.

Nếu nhiệt độ không khí tiếp tục lên cao, sự thoát nhiệt qua máu không đủ và cơ thể phải tiết ra chất lỏng để tán nhiệt. Đó là sự đổ mồ hôi trên da. Trong một giờ, cơ thể có thể toát ra tới 1,5 lít mồ hôi. Nếu mồ hôi mất nhiều quá mà không được bù đắp thì ta có thể sủi, bất tỉnh vì máu lưu thông tới các cơ quan giảm, nhất là hệ thần kinh.

Mồ hôi là chất nước trong không màu, kiềm tính với 2% vật thể đặc. Bình thường, mồ hôi gồm có nước, muối sodium chloride, potassium, urea.

Đông y coi Đổ Mồ Hôi như một hình thức trị bệnh để loại trừ một số tác nhân độc hại xâm nhập cơ thể. Gây đổ mồ hôi là một trong ba phương thức trị bệnh cổ truyền: Gây ói, gây xổ và

gây đổ mồ hôi. Cạo gió bằng dầu nóng, đánh cảm với cảm rang là để ra mồ hôi, xông với lá Hương Nhu làm nhẹ vài bệnh nóng sốt. Và ngày nay người ta tắm hơi, ngồi sauna cũng cùng mục đích để toát mồ hôi. Cho người thư giãn, sáng khoái và cũng để nhẹ bớt máy cân của tắm thân hơi bồ sát cạp.

Nhưng mồ hôi nhiều ít cũng đưa tới một vài khó chịu cho cơ thể, đôi khi bệnh hoạn.

Nhiều mồ hôi

Bình thường cơ thể tiết mồ hôi khi:

1-Thời tiết nóng nắng, thân nhiệt tăng thì mồ hôi tự nhiên đổ ra để hạ nhiệt độ cơ thể. Mỗi người có thể tiết ra tới 1 lít 50 mồ hôi trong một giờ đôi khi tới 3,5 lít.

2-Vận động cơ thể, làm việc chân tay trong khí hậu nhiệt độ cao và 40% độ ẩm, ta tiết ra trung bình là ½ lít mồ hôi trong một giờ. Khi mất chất lỏng như vậy thì máu ta sẽ đặc hơn, tim sẽ phải làm cố gắng làm việc nhiều hơn để đẩy máu ra và ta cảm thấy hơi mệt.

Để tránh khó khăn: khi tập luyện hoặc làm việc ngoài trời, nên uống khoảng hai ly nước trước khi tập; trong khi tập thì uống nửa ly cho mỗi lần tập kéo dài 20 phút.

Ngoài ra một số yếu tố khác cũng đưa tới chứng Tăng Tiết Mồ Hôi (Hyperhidrosis) dù thân nhiệt bình thường hoặc khi nghỉ ngơi:

1- Khi có nhiều đau đớn, sợ hãi, xúc động hoặc căng thẳng (*sợ toát mồ hôi hột*); mồ hôi ra nhiều nhất là ở trên mặt, nách, lòng bàn tay bàn chân.

2- Đôi khi mồ hôi cũng tiết ra khi ta tiêu thụ một vài gia vị cay, uống nước nóng hoặc nước có caffeine hoặc khi uống nhiều rượu.

3- Một vài loại dược phẩm như thuốc trị bệnh tâm thần haldol, kích thích tố tuyến giáp, morphine, aspirin, acetaminophen, cocaine;

4- Bệnh gan, bệnh khí thũng phổi (emphysema), bệnh Parkinson, hội chứng suy yếu dây thần kinh ngoại vi Guillain-Barre;

5- Một số người đổ mồ hôi theo di truyền đặc biệt là ở lòng bàn tay, bàn chân.

6- Phụ nữ trong thời kỳ mãn kinh với nóng phừng mặt, đổ mồ hôi vì kích thích tố nữ giảm;

7- Bệnh nhân tiểu đường điều trị bằng insulin khi đường huyết xuống quá thấp cũng đổ mồ hôi, run rẩy tay chân, yếu sức, chóng mặt, buồn nôn. Người tiểu đường mồ hôi có mùi chua như trái cây hư;

8- Cường tuyến giáp với nhiều kích thích tố của tuyến này khiến cơ thể nóng bừng, mồ hôi tiết ra;

9- Trong cơn Suy Tim Heart attack, bệnh nhân thấy đau ngực, khó thở, đổ mồ hôi đầm đìa; trong tai biến não stroke với tổn thương trung tâm điều hòa nhiệt độ ở não

10- Trong các bệnh nhiễm như Lao, sốt rét ngã nước bệnh nhân cũng đổ nhiều mồ hôi với nhiệt độ lên cao.

11- Bệnh ung thư bạch cầu hoặc u hạch bạch huyết lymphoma với mất cân, sốt, đổ mồ hôi;

12- Rối loạn tự miễn như trong các bệnh viêm thấp khớp (rheumatoid arthritis) hoặc lupus ban đỏ (Systemic lupus erythematosus)

Một vài trường hợp đáng chú ý:

1- Nhiều mồ hôi bàn tay:

Đây là hình thức thường thấy và cũng gây khó chịu nhiều nhất.

Bàn tay người bệnh luôn luôn nhơm nhớp ẩm ướt và lạnh. Họ thường xuyên phải lau tay, tránh bắt tay người khác, gặp trở ngại khi đánh máy chữ hoặc chơn tay khi muốn cầm vật dụng hoặc khó khăn vẽ lông mày, tô môi son. Nhiều người ngại ngùng trong giao tế đôi khi trở nên cô lập.

Và càng bối rối, xúc động thì mồ hôi lại càng ra nhiều.

2- Nhiều mồ hôi bàn chân.

Tuy không lộ liễu như nhiều mồ hôi tay nhưng nhiều mồ hôi chân là môi trường thuận lợi cho các bệnh nấm và vi khuẩn phát triển, đưa tới bệnh nhiễm bàn chân (*Athlete's Foot*), viêm nhiễm móng chân, đi giày và tất khó khăn mà đi dép thì hay trượt.

3- Nhiều mồ hôi nách cũng là một trở ngại giao tế vì mảnh áo nơi đây hoặc ướt sũng nước hoặc hoen ố muối mặn với mùi hôi hôi, khó chịu.

4- Đổ mồ hôi mặt, cổ, da đầu cũng thường xảy ra khi đang ăn uống, nói trước công chúng hoặc gặp đám đông người vì xúc động, lo sợ.

5- Không có mồ hôi

Sự đổ mồ hôi bị gián đoạn hoặc trở ngại dưới tác dụng của vài loại thuốc thần kinh; trong bệnh di truyền không có tuyến mồ hôi; khi có tổn thương thần kinh tự chủ điều khiển tuyến mồ hôi; khi có nhiễm trùng tuyến mồ hôi; phỏng da nặng; khi cơ thể khô nước vì ói mửa, đi tiêu chảy và khi bị trúng thử heat stroke.

Không mồ hôi gây trở ngại cho sự thoát nhiệt của cơ thể và đưa tới rủi ro nghiêm trọng như trong trường hợp bị trúng thử, làm việc, vận động cơ thể hoặc đi trong nắng gắt mà không uống nước đầy đủ. Nhiệt độ trong người lên rất cao, da khô, cơ thể suy nhược và có thể bị hôn mê.

Năm 2003, cả mấy trăm dân chúng thành phố Ba Lê thiệt mạng vì thời tiết nóng nắng quá mức. Người cao tuổi và trẻ em là dễ bị tai nạn này lắm. Kinh nghiệm người lái xe khi ngoài trời quá nóng thì cảm thấy uể oải, mệt mỏi, buồn ngủ nên dễ xảy ra tai nạn.

Mùi của mồ hôi

Nói tới mồ hôi thì cũng nên nói qua tới mùi của mồ hôi.

Bình thường mồ hôi không có mùi, vị hơi mặn vì có muối khoáng.

Mồ hôi có mùi là do tác dụng của các vi sinh vật lên mồ hôi mỡ lẫn chất đậm do các tuyến chất đặc apocrine tiết ra. Các tuyến này chỉ xuất hiện ở tuổi dậy thì và rất ít ở tuổi mãn kinh.

Không giống như tuyến nước eccrine có ở khắp cơ thể, tuyến apocrine lại có nhiều ở nách, bẹn, quanh cơ quan sinh dục và hậu môn, quanh núm vú. Mà những nơi này nhiệt độ thường cao, bí hơi, ẩm ướt, có nhiều lông và là môi trường thuận lợi cho vi khuẩn, nấm độc trú ẩn. Vi khuẩn tác dụng lên chất béo chất đậm của mồ hôi và tạo ra mùi ngạt mũi, khó chịu. Và ta có hôi nách, mồ hôi khan thum thum ở phần kín cơ thể, mồ hôi màu thấm vào quần áo, mồ hôi khai ở lông và tóc.

Ngoài ra cơ thể cũng toát ra mùi qua hơi thở, các chất phế thải như phân và nước tiểu; trong một số bệnh kinh niên. Bệnh nhân tiểu đường có hơi thở mùi trái cây hư vì hóa chất acetone trong máu lên cao; mồ hôi mùi chuột chết ở bệnh thận trầm trọng; mùi hôi của tế bào hủy hoại khi nhiễm trùng ngoài da, cơ thịt.

Điều trị

Nhiều người rất khó chịu, đôi khi bối rối vì đổ mồ hôi quá nhiều nhất là ở nơi dễ thấy như lòng bàn tay, nách. Bắt tay nhau mà tay ướt sũng thì cũng ngượng ngùng mà chiếc áo lụa Hà Đông mới mua, nách áo vàng khè thì cũng khó coi lại tiếc chiếc áo vừa đẹp vừa đắt.

Cho nên trên thị trường có nhiều thuốc bán không cần toa để công chúng tiện dụng và khá công hiệu. Thuốc có thể là bôi thoa để chặn mồ hôi chảy ra và đa số có chất căn bản Aluminum Chloride Hexahydrate. Thuốc được bôi dặm lần một tuần, vào buổi tối. Khi bớt mồ hôi thì bôi mỗi tuần một lần. Điều đáng lưu ý là tác dụng của aluminum không kéo dài lâu và sau đó mồ hôi có thể ra nhiều hơn.

Cũng nên phân biệt thuốc chống tiết mồ hôi (antiperspirant) và chống mùi hôi (deodorant).

Trong deodorant có kháng sinh để diệt vi khuẩn tác dụng lên chất đậm của mồ hôi và gây ra mùi khó ngửi. Đồng thời cũng có chất làm át mùi hôi.

Thuốc antiperspirant tạo cái nút bít tuyến không cho mồ hôi tiết ra

Trường hợp khó hơn thì nên đi khám bác sĩ để tìm hiểu nguyên nhân và được điều trị thích đáng.

Thuốc anticholinergic như loại glycopyrrolate (Robinul, Robinul-Forte) chặn tác dụng gây đổ mồ hôi của acetylcholine.

Thuốc trấn an tâm thần, tâm lý trị liệu đôi khi cũng được dùng nếu nguyên nhân đổ mồ hôi là những xúc động, căng thẳng tinh thần.

Gần đây, độc tố botulinum (Botox) đã được chích để chặn dây thần kinh kích thích tuyến mồ hôi. Thuốc có công hiệu khoảng 4 tháng, sau đó phải chích lại.

Giải phẫu cắt bỏ tuyến mồ hôi hoặc cắt bỏ dây thần kinh kích thích tuyến này cũng được dùng khi mồ hôi ra nhiều ở nách, bàn tay. Trước đây, để cắt bỏ dây thần kinh phải mở rộng lòng ngực. Bây giờ với phương pháp nội soi, giải phẫu giản dị hơn nhiều và bệnh nhân chỉ cần nằm nhà thương từ 12 đến 24 giờ.

Phương pháp kích thích bằng dòng điện (iontophoresis): bệnh nhân nhúng tay vào chậu nước với một dòng điện cường độ nhẹ chạy qua, làm tuyến mồ hôi tê liệt và không tiết mồ hôi khoảng một tuần lễ.

Kinh nghiệm cổ truyền ta chữa trẻ em đổ mồ hôi trộm bằng nước lá hẹ nấu chín hoặc hạt tiêu mạch lép sắc với hồng táo uống thay trà.

Cụ Hải Thượng Lãn Ông có bài thuốc trị mồ trộm với nhân sâm, phục linh, toan táo tán thành bột.

Đổ mồ hôi chân thì các cụ ngâm chân bằng nước trà ấm với một chút muối thô hoặc nửa tách giấm chua.

Tiểu thư khuê các Trung Hoa khi xưa bó bàn chân trong mảnh vải cho thon nhỏ thì chân có mùi hôi rất khó chịu. Họ thường xức loại nước gọi là Hương Liên Táo.

Mồ hôi nách khó chịu thì rang hàn the, tán thành bột rồi thoa vào nách.

Ngoài ra cũng nên giữ vệ sinh cá nhân, tắm rửa thường xuyên; giữ bàn chân khô ráo, thay tất mỗi ngày, đi giày thông hơi; tránh mặc quần áo làm bằng sợi hóa chất bí hơi; tránh thực phẩm gây đổ mồ hôi; uống nhiều nước; tập luyện cơ thể khi trời mát; giữ đường huyết ở mức bình thường; nơi ở thoáng khí với quạt hoặc máy lạnh.

Trong túi luôn luôn có cuộn giấy mỏng để kín đáo thấm mồ hôi trước khi tay bắt mặt mừng hoặc mang đôi bao tay bằng sợi bông gòn có khả năng thấm nước.

Và nên tham khảo ý kiến bác sĩ ngay khi nào thấy:

*Đổ mồ hôi lâu, nhiều mà không có nguyên do, có thể do bệnh tiểu đường, bệnh tuyến giáp...

*Đổ mồ hôi với đau thắt ngực, có thể do heart attack;

*Đổ mồ hôi ban đêm với mất sức nặng của cơ thể trong bệnh lao phổi.

Đề được điều trị tới nơi tới chốn những nguyên nhân đưa tới chứng tiết mồ hôi quá nhiều.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

VỀ MỤC LỤC

NGƯỜI MẸ

LỜI TẠM BIỆT:



**Quán trọ đời chân trần nay đã mọi,
Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,
Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.
Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:
"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...
"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.
Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.
Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.**

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

NGƯỜI MẸ

Mỗi khi tán hươu tán vượn xong một mẩu chuyện phiếm, bao giờ gã cũng tự thưởng cho mình một miếng thuốc lào. Sau đó, bèn đưa cho mấy đứa em đọc thử để hy vọng nhận được mấy lời khen cho phỏng mũi, chứ mèo khen mèo dài đuôi, mình cứ khen và tự khen mãi thấy cũng... kỳ.

Tuy nhiên, hễ bài nào đụng tới đờn bà, thì lập tức gã liền bị cô em gái lườm nguýt hay trề môi ra chê bai mà phán :

- Anh chỉ được cái nước "bôi bác" phe kẹp tóc mà thôi. Liệu hồn đấy, em còn để tội cho đó...

Còn cụ chủ nhiệm thì nghĩ thầm trong bụng :

- Cái lão này hễ mở mồm ra là nói xấu phái đẹp.

Và có lần cụ còn tổng đạt cho một cái nghị quyết xanh dờn :

- Liệu mà bốc thơm dân liễu yếu đào tơ đi nhé, bằng không thì mỗi khi vác mặt ra ngoài đường, chắc chắn sẽ bị bọn họ xúm lại mà vật hết râu đấy con ạ.

Nhiều lần gã đã đã buộc chỉ cổ tay, thề “mí” đầu gối rằng thì là sẽ không bao giờ bóc thối nữa, nhưng sẽ học theo thói ga lăng của dân “Phăng xe, chính hiệu con gà trống Gô loa” mà hết lời ca tụng quý bà và quý chị, quý cô và quý nương.

Nhưng rồi vẫn chứng nào tật nấy, chó đen vẫn giữ mực, mèo vẫn hoàn mèo mà thôi. Hay như Nguyễn Du trong truyện Kiều đã viết :

- Rằng hư quen thói đi rồi...

Biết lỗi của mình, vì thế hôm nay gã sẽ làm một quả “tôn vinh mẹ hiền” để đền tội, bởi vì ngày thứ tư, 31 tháng 5, sẽ là ngày thánh hóa người mẹ.

Sự thực thì gã cũng hơi bực bội và hờn ghen với quý bà quý cô vì xã hội này đã đối xử bất công với phe mày râu, đực rựa như gã.

Số là bên đông cũng như bên tây đều có tập tục nhớ ơn mẹ hiền, rồi lại còn dành hẳn ngày 8 tháng 3 để mà “xông hương” cho nữ giới. Sao mà gã sợ cái ngày 8 tháng 3 đến thế. Xuống phố hôm ấy, thấy đờn bà con gái, người nào cũng như người nấy, cái bản mặt cứ nghênh nghênh, làm như là phe ta đang thừa thắng xông lên, thấy mà dễ ghét tộ, đâu có còn dịu dàng duyên dáng như những ngày thường nữa.

Khốn khổ cho các ông chồng, ngày hôm ấy chịu khó chui vào bếp mà nấu nướng, rồi thì hãy bắt chước Tú Xương mà “vuốt râu nịnh vợ con bu nó”.

Trong khi đó, phe đực rựa với thiên chức làm chồng, làm cha, nhưng thực chất chỉ là làm thân trâu ngựa, nai lưng ra mà kéo cày, đổ mồ hôi sôi nước mắt, để kiếm tí tiền còm, đem về chén cơm, bát gạo và manh áo hầu nuôi sống gia đình...

Nhất là cho quý bà quý cô có phương tiện đi uốn cái tóc, sửa cái mũi, sơn cái móng chân, o cái móng tay, may cái quần, sắm cái váy... ấy thế mà chả được ma nào nhớ tới, nói chi đến việc ca ngợi đức ông chồng hay nhớ ơn cha... già.

Trở lại với đề tài hôm nay, đó là tôn vinh mẹ hiền. Bên đông phương, cứ vào rằm tháng bảy âm lịch, anh em Phật giáo cử hành lễ Vu lan, khởi đầu cho mùa báo hiếu và tưởng nhớ công ơn người mẹ.

Theo “Thành ngữ, điển tích, danh nhân từ điển” của Trịnh Văn Thanh :

“Mục Liên, tức là Mục Kiều Liên, tên một vị bồ tát, đệ tử của Đức Phật. Mục Liên vốn là một người con có hiếu. Mặc dù đã tu thành chánh quả, nhưng khi thấy người mẹ của mình, vì mắc phải nhiều sai lỗi, chẳng hạn như luôn chê bai các vị tăng ni và xúi dục người khác vi phạm những giới cấm, nên đã bị đày xuống ngục A Tỳ, phải chịu cực hình đói khát và ngồi trên chông sắt. Hễ bà ăn hay uống thứ gì, thì tất cả đều cháy thành lửa.

“Mục Liên nhờ gậy phép và bòn bát của Phật Quan Âm mà xuống tận cõi âm ty để cứu mẹ thoát khỏi cảnh cực hình, khuyên nhủ mẹ ăn năn hối lỗi, một lòng tu niệm. Nhờ đó, mẹ của Mục Liên cũng đắc quả.

Chính vì thế, rằm tháng bảy, ngày lễ Vu lan hay ngày lễ Trung nguyên, không phải chỉ là một dịp để người ta cúng cô hồn, tức là cầu nguyện cho những người mồ côi đã chết vất vưởng, không được một ai tưởng nhớ đến, mà còn là một dịp để con cái báo đáp công ơn mẹ cha bằng cách làm việc lành, cầu nguyện cho mẹ cha được sống lâu, không mắc phải cảnh đau ốm khổ não và cả ông bà bầy đời được thoát khỏi cõi âm ty mà về cõi Phật...

- Mục Liên dù đã hóa thân,

Vì thương từ mẫu muôn phần họa tai.

Bên tây phương, người ta cũng đã chọn Chúa nhật thứ hai trong tháng năm làm ngày lễ nhớ ơn mẹ hiền, tiếng phăng xe thì gọi là “Fête des Mères”, còn tiếng ăng lê thì gọi là “Mother’s day”.

Theo Thượng tọa Thích Nhất Hạnh trong cuốn “Bông hồng cài áo” thì vào ngày này, con cái tỏ lòng biết ơn đối với người mẹ bằng cách tặng quà và tổ chức bữa cơm thân mật để chúc mừng người mẹ.

Riêng những ai mà người mẹ còn sống, thì khi ra đường sẽ được cài một bông hồng màu trắng trên áo, để chỉ người ấy vẫn còn giữ được một kho tàng quý giá nhất, đó là tình yêu của người mẹ, vẫn còn có một nơi ẩn náu an toàn nhất, đó là trái tim của người mẹ...

Ngày xưa ngày xưa có hai vợ chồng trẻ đang sống yên ổn trong một mái ấm ngập tràn yêu thương và hạnh phúc. Họ đã đặt tình yêu và gia đình của họ dưới sự bảo trợ của đức Maria.

Nhưng rồi một năm kia, mưa to và gió lớn. Mực nước dâng lên thật nhanh và tạo thành một cơn lũ khủng khiếp, như chưa từng xảy ra như thế bao giờ. Nhà của họ nằm trên một ngọn đồi, nhưng rồi ngọn đồi cũng bị ngập sâu dưới dòng nước.

Hai vợ chồng thay nhau bồng ẵm đứa con và trèo lên mái nhà, nhưng rồi mái nhà của họ cũng bị dòng nước nhận chìm. Bấy giờ người chồng nói với vợ :

-Mình hãy ôm chặt thằng nhỏ và ngồi cho vững trên đôi vai của anh.

Người vợ vội vàng làm theo. Đôi mắt chị long lanh những giọt lệ và cõi lòng chị đón đau tê tái. Chị ngồi trên vai và hai chân bắt chéo trước ngực chồng trong một tư thế thật vững vàng. Nhưng rồi nước vẫn cứ dâng lên, dâng lên mãi.

Bấy giờ, chị nói với đứa bé rằng :

- Con hãy ngồi thật chắc trên đôi vai của mẹ. Giã từ con, nhưng con đừng bao giờ quên rằng cha và mẹ luôn yêu thương con nhé.

Chị không thể nói thêm được một lời nào nữa vì nước đã dâng lên tràn vào miệng. Và sau cùng, nước đã trắng xóa cả một vùng bao la, chỉ còn khuôn mặt của đứa bé là nhô lên khỏi mặt nước với những lọn tóc đen mà thôi.

Lúc bấy giờ, Đức Maria đi ngang qua, nhìn thấy lọn tóc đen của đứa bé, Ngài trầm nghĩ :

- Đứa bé này thuộc về Ta vì mẹ nó đã dâng nó cho Ta.

Khi giờ tay kéo đứa bé lên, Ngài vô cùng ngạc nhiên vì thấy cha và mẹ của đứa bé đã chết để cho nó được sống. Ngài khẽ nói :

- Ôi, Thiên Chúa đã làm biết bao nhiêu sự kỳ diệu trên mặt đất này.

Và rồi, Ngài đã đưa cả ba người về thiên đàng trong nếp áo choàng của Ngài.

Từ câu chuyện trên, gã cũng có thể xác quyết :

- Trong những điều tuyệt vời Thiên Chúa đã tạo nên, thì trái tim người mẹ chính là điều tuyệt vời nhất.

Tại một viện mồ côi, người ta đã làm một thí nghiệm như thế này, đó là trong phòng nuôi những em nhỏ mới chào đời, người ta đã lắp đặt một hệ thống âm thanh phát ra những tiếng đập nhẹ nhẹ, như tiếng đập của trái tim người mẹ và người ta đã ghi nhận : từ khi có những tiếng đập nhẹ nhẹ ấy, những em nhỏ ăn nhiều hơn, ngủ kỹ hơn và tăng trọng mau hơn...

Điều đó muốn nói lên rằng vai trò của người mẹ thật là quan trọng. Thực vậy, để có mặt trong cuộc đời, mỗi người chúng ta cần phải có ba má như tục ngữ đã bảo :

- Con có cha có mẹ,

Không ai ở lỗ nẻ mà lên.

- Có cây mới có giầy leo,

Có cột có kèo, mới có đòn tay.

Tuy nhiên, có mặt trong cuộc đời mà thôi chưa đủ, chúng ta còn cần phải được tăng trưởng, còn cần phải được lớn lên, còn cần phải được phát triển về thể xác cũng như tinh thần.

Để giúp chúng ta tăng trưởng, lớn lên và phát triển như thế, không thể thiếu vắng những đóng góp to lớn của người mẹ.

- Con có mẹ, như bẹ ấp măng.

Làm sao chúng ta có thể kể hết những công lao, những hy sinh người mẹ đã phải chịu vì chúng ta suốt chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm, rồi nuôi dưỡng và dạy bảo chúng ta cho tới ngày hôm nay.

- Chim trời ai dễ đếm lông,

Nuôi con ai nỡ kể công tháng ngày.

- Lên non mới biết non cao,

Nuôi con mới biết công ơn mẫu tử.

Trước hết là công ơn nuôi dưỡng của người mẹ, tục ngữ ca dao Việt Nam đã viết :

- Cha sinh không tây mẹ dưỡng.

- Có má ở nhà mới có cá mà ăn.

- Có con phải khổ vì con.

- Con biết nói, mẹ hói đầu.

- Con lên ba, mẹ sa xương sườn,

- Con biết ngồi, mẹ rời tay.

Tiếp đến là công ơn dạy bảo :

- Mẹ dạy thì con khéo,

Bố dạy thì con khôn.

Vì yêu thương mà người mẹ đã dạy bảo, cốt để cho chúng ta nên người như lời một câu danh ngôn :

- Người mẹ dù có đánh mắng, nhưng sau đó liền hôn lên vết đánh ấy.

Người mẹ có thể thức trắng đêm để chăm sóc cho đứa con đau yếu. Người mẹ có thể hy sinh chính bản thân mình để cho đứa con được sống.

Một trận động đất xảy ra. Toàn bộ ngôi làng biến thành đồng gạch vụn. Người ta đã dùng mọi phương tiện, mọi khả năng để tìm kiếm những người còn sống sót. Trong số những người còn sống sót ấy có hai mẹ con được móc lên từ chôn đồ nát. Sau khi được cấp cứu và hồi sức, người mẹ đã kể lại như sau :

- Lúc bấy giờ, hai mẹ con tôi đang đứng trong góc bếp. Tòa nhà sụp đổ. Rất may chúng tôi đã không bị đè bẹp. Không gian chỉ là một khoảng rất nhỏ và thức ăn chỉ còn lại một hộp mứt. Sau khi con tôi đã ăn hết hộp mứt, nó vẫn còn đói và khóc lóc đòi ăn thêm. Thế là tôi bèn nhặt một mảnh kính vỡ, cửa đầu ngón tay rồi đút vào miệng nó. Hy vọng nhờ những giọt máu của tôi mà nó sẽ được sống sót. Rồi tôi ngất đi lúc nào cũng không hay cho tới khi được cứu thoát.

Người ta bèn hỏi bà :

- Tại sao bà lại làm được một hành động can đảm như thế ?

Bà trả lời :

- Trong giây phút kinh hoàng ấy, tôi chỉ có một ý nghĩ duy nhất, đó là phải làm tất cả cho con tôi được sống.

Trước công ơn trời biển như thế của mẹ hiền, đạo làm con là phải thảo hiếu. Sự thảo hiếu này được biểu lộ qua thái độ vâng lời, trọng kính và giúp đỡ, nhất là khi người mẹ đã già yếu và túng quẫn :

- Con không chê mẹ khó,

Chó không chê chủ nghèo.

Và trong cuộc sống, gã đã từng nhìn thấy biết bao nhiêu người con đã sống trọn đạo hiếu đối với cha mẹ mình. Thật đáng bái phục. Là người Việt Nam, ai trong chúng ta lại không biết đến tác phẩm “Nhị thập tứ hiếu” viết về hai mươi bốn người con có hiếu, là như những mẫu gương để chúng ta noi theo và bắt chước.

Tướng Cariolan buồn rầu bỏ thành Roma đi theo quân địch vì những kẻ đồng hương tỏ ra vô ơn đối với ông. Khi hay tin ông đem quân về vây hãm thành và tìm cách tiêu diệt mọi người, dân chúng vô cùng khiếp sợ. Họ cử một phái đoàn đi thương thuyết nhưng không được ông tiếp. Họ tổ chức một cuộc kiệu rước các thần minh đến gần doanh trại của ông để cầu xin sự bình an, nhưng ông vẫn cứ một mực làm ngơ.

Sau cùng, họ đành phải nhờ tới bà mẹ già của ông. Nhìn thấy mẹ từ xa, ông liền chạy ra ôm lấy mẹ. Thế nhưng bà buồn sầu nói với con :

- Con biết lòng mẹ yêu con như thế nào hay không ? Chẳng lẽ con định giết các em và cả vợ con của con sao ?

Ông liền nói với mẹ :

- Mẹ đã thắng con rồi. Vâng lời mẹ, con sẽ rút quân và dân thành Roma được giải thoát, nhưng mẹ sẽ mất con mãi mãi.

Đúng thế, sau khi rút quân, ông đã bị kẻ địch giết chết vì họ cho rằng ông đã phản bội.

Tuy nhiên, cũng không thiếu gì những đứa con, một khi đã thành đạt thì bỗng quên đi công ơn của người mẹ, để rồi có những thái độ khinh bỉ và hắt hủi.

Bà mẹ đang cặm cụi làm cỏ ruộng phía sau nhà, bỗng rụng rời tay chân khi nhìn thấy một cột khói bốc lên cao. Hốt hoảng, bà vội chạy về, băng qua ngọn lửa vào nhà và ẵm lấy đứa con nhỏ của mình đang nằm trong nôi. Cứu được đứa con, nhưng bà lại bị phỏng nặng. Vết phỏng đã làm cho khuôn mặt của bà trở thành nhăn nheo và xấu xí...

Đứa bé lớn lên. Trở thành một cô gái xinh đẹp và được gửi học trên thành phố. Ngày kia, bà mẹ lặn lội từ quê lên, ghé vô trường giữa lúc cô gái đang chơi đùa với bè bạn trong sân.

Nghe nói có người tới thăm, cô bé vội xuống phòng khách. Nhìn thấy mẹ, cô bé sa xầm nét mặt và nói như quát tháo :

- Bà đừng đến đây thăm tôi nữa, bởi vì tôi không thể nào chịu đựng nổi một người mẹ xấu xa và ghê tởm như bà.

Bà mẹ âm thầm ra về, nhưng hàng tháng vẫn gửi tiền lên cho con ăn học. Phải chăng tình yêu của người mẹ thì không bao giờ mệt mỏi.

Nhiều khi chỉ vì quá thương con mà người mẹ đi tới chỗ cứng chiều và làm cho con hư hỏng. Trên báo “Phụ nữ chủ nhật”, một người chị đã tâm sự như sau :

“...Bây giờ thì thằng em của tôi đã ngồi tù và nó còn phải ngồi tù hơn 10 năm nữa mới hết án. Theo tôi nghĩ, lỗi của nó chỉ một phần, mà chính là lỗi của ba mẹ tôi. Ngay từ hồi còn nhỏ, nó đã được muông chiều quá trớn. Nó đòi gì được nấy...sống như một ông hoàng. Rồi nó được sắm xe gắn máy khi học đến lớp chín và thế là nó bỏ học, từ đó theo bạn bè lêu lổng ăn chơi. Mới hơn hai mươi tuổi đầu mà nó đã mang trong người đủ thứ tội : hút chích ma túy, ăn cướp, hiếp dâm, ngộ sát...Tội thì nó đã gánh, nhưng lỗi thì do ai ?”

Người mẹ thường gần gũi và hiểu biết con cái hơn, nên cũng được con cái yêu mến và nhõng nhẽo hơn. Vì thế, ảnh hưởng của người mẹ cũng to lớn hơn trong việc giáo dục uốn nắn con cái như tục ngữ đã dạy :

- Phúc đức tại mẫu.

- Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà.

Nếu người mẹ còn tiền còn bạc thì con cháu xúm xít lại, bằng không thì chẳng ai thèm ngó ngang, thậm chí có những đứa con còn vác đơn ra tòa để chiếm đoạt ngôi nhà do chính mẹ mình đã vất vả chắt chiu gầy dựng nên.

Báo Công an có đăng tải một mẫu tin như sau :

Tại Tây ninh, có một bà mẹ khá đông con, song bà vẫn thích sống cảnh cô đơn trong căn nhà tranh dột nát. Thảm hại hơn, các con bà còn kiếm chuyện mắng mỏ đủ điều và tranh chấp với bà từng ngọn rau tấc đất. Có lần hàng xóm thấy vậy thương tình đến giúp đỡ thì bị người con gái của bà nặng lời trách móc.

Trước hoàn cảnh ấy, chính quyền địa phương đã xây cho bà một căn nhà tình nghĩa vì bà cũng là mẹ liệt sĩ. Thế là ngay sau đó, vợ chồng người con gái đã từng ngược đãi mẹ lại làm đơn gửi cho chính quyền là kể từ nay xin được...nuôi nấng mẹ già.

Thói đời vốn thường đen bạc, kể cả con cái trong gia đình như người xưa đã bảo :

- Mẹ giàu con có, mẹ khó con không.

Chẳng những có thái độ vô ơn và bất kính nhất là khi người mẹ già yếu và nghèo túng, mà hơn thế nữa, còn đối xử hà khắc, nghiệt ngã với người mẹ của mình, bắt làm những công việc nặng nhọc như tục ngữ diễn tả :

- Một mẹ già bằng ba con ở.

Rồi thì quát tháo, chửi bới khi người mẹ hết sức lao động, không còn làm lụng được gì nữa, hay chì chiết, day dứt khiến cho người mẹ phải tủi thân vì cảm thấy mình chỉ còn là một kẻ ăn bám, một gánh nặng cho con cái.

Vấn đề này đã được tục ngữ Việt Nam nói đến rất nhiều :

- Một mẹ nuôi được mười con, nhưng mười con không nuôi được một mẹ.

- Mẹ nuôi con bằng trời bằng bể,

Con nuôi mẹ, con kể từng ngày.

- Mẹ nuôi con biển hồ lai láng,

Con nuôi mẹ kể tháng kể ngày.

- Mẹ già ở chốn lều tranh,

Đói no chẳng biết, rách lành chẳng hay.

- Mẹ già hết gạo treo niêu,

Mà anh khăn đỏ, khăn điều vắt vai.

Nói về những sự vô ơn tệ bạc của con cái đối với mẹ già thì còn dài dài, nhưng để kết luận, gã xin ghi lại nơi đây một mẫu tin. Mẫu tin này mang tựa đề là “Mẹ ăn mày...nuôi con khỏe”, đại khái như sau :

“Sáng nào cũng vậy, tại một quán bánh canh nằm trên một con đường giữa trung tâm thị xã của tỉnh Tây ninh, người ta luôn thấy một bà cụ già trên tám mươi tuổi, lưng còng, lê bước tới xin từng bàn khách đang ăn và được nhiều người thương tình giúp đỡ.

“Thế nhưng, khi bà cụ vừa bước ra khỏi quán, thì lập tức có một người đàn ông độ khoảng bốn mươi tuổi đi trên chiếc xe đạp dừng lại bên bà và bà khó nhọc leo lên xe để tiếp tục cuộc hành trình đi ăn mày. Được biết người đàn ông khỏe mạnh ấy chính là con trai của bà.

Người viết mẫu tin này đã bình luận như sau :

“Thiết tưởng, cha mẹ bắt con đi ăn mày đã là điều đáng lên án, đằng này con cái lại bắt mẹ già đi ăn xin để nuôi mình thì vô cùng trái đạo. Những đứa con bất nghĩa này khó tránh được tiếng đời biếm nhẽ.

Còn gã, gã lại nghĩ hơi khác một tí :

- Tình yêu của người mẹ thì trẻ mãi, không bao giờ...già. Hơn thế nữa, dưới mắt mẹ hiền, người con dù đã trưởng thành và khỏe mạnh, thì vẫn chỉ là một đứa nhỏ, vừa bé bỏng lại vừa yếu ớt mà bà cần phải chăm sóc và nuôi nấng.

Một cô bé cũng đã phát biểu :

- Nếu Thiên Chúa chỉ ban cho tôi một người mẹ mà thôi, thì tôi cũng cảm nhận được Ngài tốt lành biết bao nhiêu, bởi vì đối với tôi, mẹ là kho tàng quý giá nhất và hạnh phúc thiên đàng chính là được ngồi dưới chân mẹ hiền.

Chuyện phiếm của Gã Siêu.

[VỀ MỤC LỤC](#)

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA